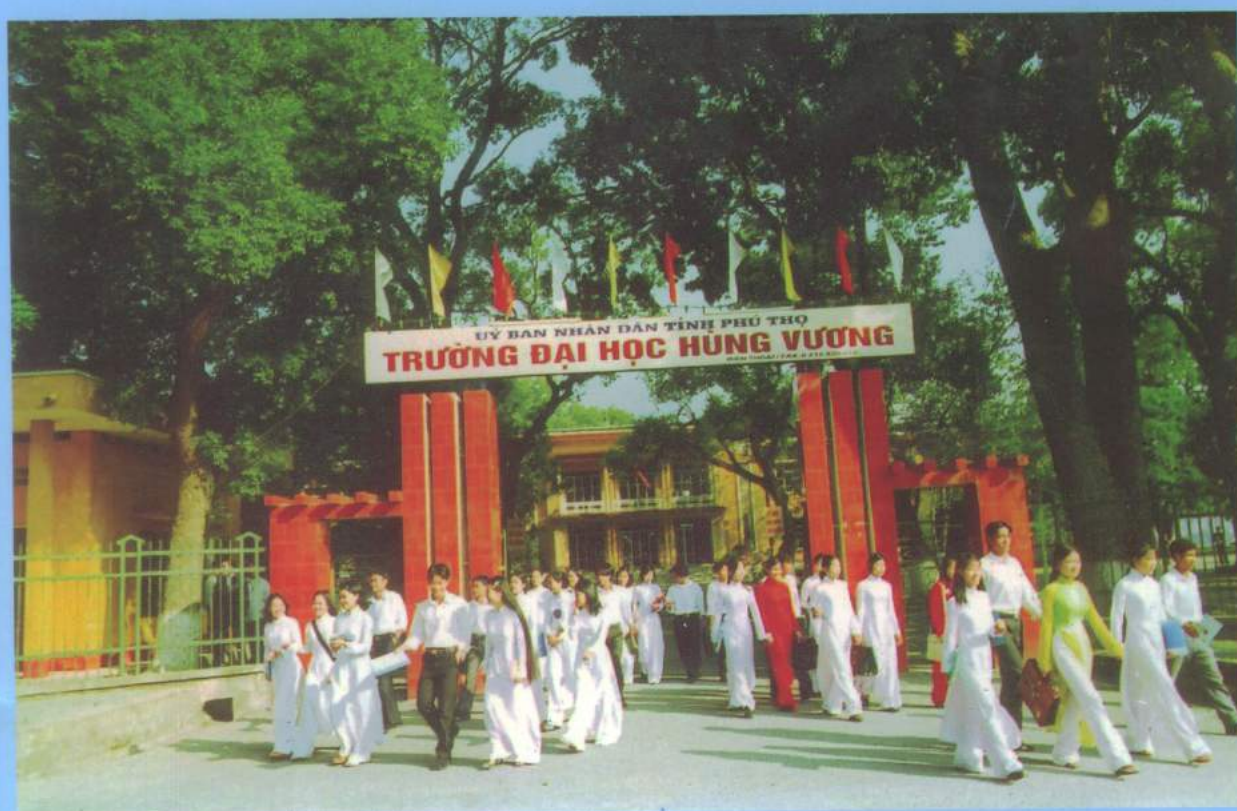


TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

THÔNG TIN KHOA HỌC

SCIENTIFIC REVIEW



PHÚ THỌ

SỐ 07

2006

**THÔNG TIN
KHOA HỌC
SCIENTIFIC REVIEW**

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. Lê Xuân Trường

Hiệu trưởng

Trường Đại học Hùng Vương

Ban biên tập

PGS.TS Cao Văn

Trưởng ban

Th.S Đặng Văn Hương

PTB. Thư ký

NGƯT Nguyễn Hưng

Ủy viên

Th.S Cao Văn Thịnh

Ủy viên

NCS Phạm Tuấn Anh

Ủy viên

Th.S Đỗ Tùng

Ủy viên

Th.S Lê Bích Hằng

Ủy viên

In 300 cuốn, khổ 18,5 x 28,5cm,
tại Công ty In Phú Thọ. Giấy phép
xuất bản số: 26/VH-TT/GPXB do
Sở Văn hóa Thông tin Phú Thọ
cấp ngày 14 tháng 6 năm 2006.
Nộp lưu chiếu tháng 6 năm 2006.

MỤC LỤC

1. Đại hội X của Đảng thành công tốt đẹp 2
2. **Th.S. Cao Văn Thịnh** - Di chúc - những lời tâm huyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho chúng ta. 4
3. **CN. Nguyễn Ngọc Cường** - Vận dụng tư tưởng tu thân của nho giáo vào việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. 8
4. **PGS.TS. Nguyễn Trọng Lang, Th.S. Ngón Thi Hoán, PGS.TS. Cao Văn** - Ưu thế lai F₁ của tổ hợp lai thuận nghịch giữa gà Mèo và gà Ai Cập nuôi tại Thái Nguyên 10
5. **Th.S. Phạm Tuấn Anh, SV. Đình Văn Thuận** - Cái phi lý trong cốt truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. 14
6. **Th.S. Nguyễn Văn Khiêm, Th.S. Nguyễn Tiến Mạnh** - Mối liên hệ giữa các bất đẳng thức đại số và các bất đẳng thức tích phân. 22
7. **CN. Bùi Thị Mai Lan** - Tìm hiểu phương pháp thể hiện bài hát ru Việt Nam trong dạy học thanh nhạc đối với sinh viên CĐSP âm nhạc. 27
8. **CN.KS. Phạm Đức Triển** - Suy nghĩ về phương pháp giảng dạy môn kỹ thuật công nghiệp ở trường Đại học ST Mark & ST John - Vương Quốc Anh. 33
9. **Th.S. Nguyễn Thị Hằng** - Grap là gì? Thế nào là dạy học theo phương pháp grap áp dụng trong dạy phần môn hóa vô cơ. 37
10. **Th.S. Đỗ Ngọc Sơn** - Một số ý kiến về đổi mới phương pháp giảng dạy học phần kinh tế chính trị Mác - Lênin. 39
11. **CN. Hoàng Bá Hồng** - Ấn tượng từ phòng tranh sinh viên. 43
12. **Th.S. Cao Văn Thịnh** - Giáo dục gương học tập của các nhà khoa bảng tỉnh Phú Thọ cho học sinh, sinh viên 46
13. **CN. Đoàn Hải Hưng** - "Làng cười Văn Lang" - một công trình có giá trị của Hữu Thục và Dương Huy Thiện. 48
14. **Th.S. Nguyễn Tài Năng** - Phát huy vai trò nòng cốt của chi đoàn cán bộ giáo viên trong việc giúp đỡ sinh viên nâng cao chất lượng học tập và tiếp cận nghiên cứu khoa học. 50
15. **NGƯT. Nguyễn Hưng** - Kỳ thi Olympic Toán sinh viên toàn quốc lần thứ XIV tại Đại học Đà Nẵng. 52
16. Bạn đã đọc Thông tin khoa học số 6 năm 2005? 52

ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP

N GÀY 25/4, bế mạc Đại hội X của Đảng, sau 6 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc. Trong phiên họp trước khi bế mạc, ngày 24/4, Đoàn Chủ tịch đã có báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến các đại biểu về văn kiện của Đại hội, kết quả biểu quyết một số vấn đề trong các Văn kiện. Có 1.553 ý kiến của các đại biểu tại đoàn, 29 ý kiến trực tiếp tại hội trường. Các ý kiến nhìn chung có chất lượng tốt, nhất là ý kiến về những vấn đề lớn. Đa số các ý kiến tán thành với báo cáo của BCH khoá IX tại Đại hội, nhưng cũng có những ý kiến khác nhau về một số vấn đề. Cụ thể có 16 nhóm vấn đề được Đoàn Chủ tịch ghi nhận.

Thứ nhất, ý kiến về chủ đề Đại hội “Trí tuệ, đoàn kết, đổi mới và phát triển bền vững”. Có ý kiến cho rằng chủ đề Đại hội X chưa đáp ứng được nguyện vọng, mong mỏi của đông đảo nhân dân, chưa tạo được tính đột phá... và đề nghị bổ sung thêm một số cụm từ. Đoàn Chủ tịch cho rằng chủ đề Đại hội phải ngắn gọn, súc tích, có tính khái quát cao. Hơn nữa, 4 thành tố nêu lên trong chủ đề của Đại hội cũng là những tiêu đề chính trong Báo cáo chính trị. Bởi vậy Đoàn Chủ tịch đề nghị giữ nguyên chủ đề như đã nêu. Có 90,7% ý kiến tán thành.

Thứ hai, về đánh giá của BCH khoá IX về những thành tựu đã đạt được trong 20 năm đổi mới. Đa số ý kiến nhất trí cao với đánh giá. Chỉ có một số ý kiến cho rằng chỉ nên đánh giá những việc đã làm được trong 5 năm qua và dựa vào những chỉ tiêu của Đại hội để đánh giá sát tình hình. Có 93,6% ý kiến tán thành với đề nghị của Đoàn Chủ tịch cho rằng nên giữ nguyên quan điểm đánh giá như trong Báo cáo chính trị.

Thứ ba, có một số ý kiến cho rằng Đảng cần chỉ rõ các nguy cơ có tính nghiêm trọng để có hướng ngăn ngừa, khắc phục. Đoàn Chủ tịch khẳng định, không nên sử dụng từ “nguy cơ”

mà nên chỉ thẳng ra trong báo cáo. “Nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau và diễn biến phức tạp. Không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Đoàn Chủ tịch đề nghị giữ nguyên cách diễn đạt như trên.

Thứ tư, về chỉ tiêu đến năm 2010 được đề ra trong Báo cáo chính trị, có ý kiến cho rằng không nên đặt ra ba mốc chỉ tiêu (mức tăng GDP bình quân đạt 7,5 - 8%, phấn đấu đạt trên 8%). Đoàn Chủ tịch cho rằng chỉ tiêu GDP là chỉ tiêu mang tính định hướng, khi đặt ra phải đảm bảo tính khả thi. Trên thực tế khi thực hiện, sẽ có nhiều tác động khách quan khó lường, bởi vậy ba mức chỉ tiêu như trên là hợp lý. Có 84,34% ý kiến tán thành.

Thứ năm, về mục tiêu “Tiếp tục hoàn thiện cơ chế thị trường định hướng XHCN”, đa số đại biểu tán thành với Báo cáo. Có một số ý kiến yêu cầu cần làm rõ nội hàm của “cơ chế thị trường định hướng XHCN”.

Theo Đoàn Chủ tịch, việc chuyển sang kinh tế thị trường là yêu cầu khách quan, nền kinh tế thị trường tồn tại ở nhiều nước. Nhưng kinh tế thị trường có định hướng XHCN khác với các nước khác. Đó là nền kinh tế tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, nhưng được xây dựng ở một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ, Nhà nước pháp quyền quản lý và do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Thứ sáu, về một số vấn đề xã hội bức xúc, đa số ý kiến tán thành với Báo cáo trong quan điểm gắn phát triển kinh tế với việc đẩy mạnh thực hiện những chính sách nhằm mục tiêu công bằng xã hội, như xoá đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng... Đoàn Chủ tịch khẳng định, cần đầu tư cho các chương trình quốc gia giải quyết những yêu cầu đặt ra trong các lĩnh vực như Giáo dục, Y tế, Văn hoá, TDTT...

Thứ bảy, về các thành phần kinh tế trong xã hội, đa số ý kiến tán thành với việc kinh tế Nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo trong các thành phần kinh tế, nhưng có một số ý kiến băn khoăn về vấn đề này. Đoàn Chủ tịch khẳng định quan điểm không phân biệt, kỳ thị một thành phần kinh tế nào, tuy nhiên kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, có vai trò quan trọng trong việc điều tiết nền kinh tế. Kinh tế tư nhân được khuyến khích và đánh giá như động lực quan trọng để phát triển kinh tế.

Thứ tám, về định hướng công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH) có ý kiến cho rằng báo cáo chưa làm rõ các tiêu chí cụ thể để tiến đến mục tiêu này. Đoàn Chủ tịch tiếp thu các ý kiến để nghiên cứu, bổ sung. Có ý kiến về việc không nên gắn “Kinh tế tri thức với CNH, HĐH”, Đoàn Chủ tịch cho rằng, căn cứ vào tình hình thực tế, việc gắn kinh tế tri thức với CNH, HĐH là phù hợp và có tính khả thi cao, sẽ tạo điều kiện để giải phóng sức lao động, sáng tạo, tạo nền tảng vật chất quan trọng cho việc hoàn thành mục tiêu CNH, HĐH.

Thứ chín, về xây dựng hệ thống Nhà nước pháp quyền, có ý kiến cho rằng nên có chính sách cụ thể hơn để phát huy tính dân chủ. Đoàn Chủ tịch nhận định: Vấn đề dân chủ thời gian qua đã được triển khai ở nhiều cấp, ngành mạnh mẽ, sôi động. Đẩy mạnh phát huy dân chủ đến các cơ sở là chủ trương đúng đắn, tuy nhiên ở nơi này nơi khác vẫn có các biểu hiện phát huy dân chủ quá trớn. Bởi vậy, song song với việc đẩy mạnh phát huy dân chủ, phải có cơ chế chính sách rõ ràng, tránh việc lợi dụng dân chủ để thực hiện những mục đích sai trái.

Thứ mười, phòng chống tham nhũng, Đoàn Chủ tịch nhấn mạnh: Đây là trách nhiệm mà toàn bộ hệ thống chính trị phải tham gia tích cực, có hiệu quả, nếu không nhân dân sẽ mất niềm tin, quay lưng lại với Đảng. Muốn vậy phải có những biện pháp quyết liệt, cụ thể, như việc bỏ cơ chế xin cho, cải cách hành chính mạnh mẽ hơn... Những vụ án lớn được phát hiện vừa qua là bài học đau xót về việc buông lỏng quản

lý Nhà nước, sử dụng cán bộ, bao che, nể nang, quan liêu... Trong cuộc chiến đấu gian khổ chống tham nhũng và các vấn đề tiêu cực BCH TƯ Đảng phải là những người đi đầu.

Thứ mười một, về vấn đề tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, một số ý kiến cho rằng bộ máy quản lý của Đảng còn chồng chéo, ít hiệu quả, gây khó khăn cho việc thực hiện đổi mới đất nước. Đoàn Chủ tịch khẳng định trong thời gian tới sẽ sắp xếp đổi mới bộ máy của Đảng, từ Trung ương đến địa phương để khắc phục tình trạng như các ý kiến đã nêu.

Thứ mười hai, về nhận định lại bản chất của Đảng, Đoàn Chủ tịch khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) là Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, ra đời không chỉ vì quyền lợi của giai cấp công nhân mà còn vì lợi ích của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam, ngoài ra không có lợi ích nào khác.

Thứ mười ba, vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân. Đa số đại biểu nhất trí cao trong việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân, nhưng có ý kiến lo ngại việc giám sát không tốt dễ dẫn đến việc các đảng viên bị sa ngã, biến chất. Đoàn Chủ tịch khẳng định, việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân đã được bàn nhiều trong các phiên họp của BCH khoá IX và trung cầu ý kiến rộng rãi. Đảng viên làm kinh tế tư nhân, phù hợp với chủ trương huy động các nguồn lực xã hội phát triển kinh tế trong hoàn cảnh đất nước còn nghèo. Song song với việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân sẽ có những quy định chặt chẽ: Đảng viên phải chấp hành đúng pháp luật, chấp hành đúng Điều lệ Đảng CSVN, phải trực tiếp tham gia lao động sản xuất, đối xử tốt với người lao động, thực hiện chế độ bảo hiểm đối với người lao động, tham gia các hoạt động công ích... Có 88,35% đồng ý với chủ trương này.

Thứ mười bốn, việc sửa đổi một số vấn đề trong Điều lệ Đảng CSVN. Bên cạnh một số

(Xem tiếp trang 7)

DI CHÚC - NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH DÀNH CHO CHÚNG TA

ThS. CAO VĂN THỊNH - Khoa KHXH&NV

NHÌN vào tấm ảnh chụp bút tích ghi phần đầu bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta được biết vào ngày 10 tháng 5 năm 1969, Bác Hồ cảm thấy sức khỏe giảm sút, cảm nhận thấy quy luật khắc khe của tạo hóa đối với mình. Người lặng lẽ soạn Di chúc dành cho toàn Đảng, toàn dân ta để có thể yên tâm đi vào cõi vĩnh hằng.

Di chúc của Bác Hồ được thể hiện bằng một văn bản hoàn chỉnh gồm 4 phần, tách bạch rõ ràng. Đó là những lời tâm huyết của Người dành cho toàn thể chúng ta - những người đang sống và các thế hệ con cháu những việc cần làm và nên làm.

Khi đó, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước đang diễn ra rất ác liệt, có thể nói là một mất một còn. Mở đầu Di chúc Bác khẳng định: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn”; tiếp theo Bác viết một câu ngắn và cũng là một đoạn văn tối giản vắn vắn chỉ có 6 chữ: “Đó là một điều chắc chắn”. Điều đó là việc đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, tạo ra niềm tin thiêng liêng, vững chắc cho toàn thể dân tộc ta. Sau đó Người đưa hai ý định, cũng là hai việc cần làm, khi cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Một là: “Tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta”.

Hai là: “Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa và các bầu bạn đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta”.

Những lời này Bác cấu trúc làm phần mở đầu, vừa khẳng định cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đang diễn ra là tất thắng, vừa có tác dụng nêu lên hoàn cảnh lịch sử đặc biệt khi Người viết bản Di chúc này.

Mở đầu phần thứ 2, Bác nêu lý do viết Di chúc. Khi nói đến tuổi thọ của mình Người khéo léo nhắc lại một câu thơ của Đỗ Phủ - Nhà thơ ở Trung Quốc đời nhà Đường: “Nhân sinh thập thập cổ lai hy” nghĩa là “Người thọ 70 xưa nay hiếm”. Đoạn văn sau Người trình bày cụ thể: “Năm nay tôi vừa tròn 79 tuổi, đã là lớp người xưa nay hiếm, nhưng tinh thần đầu óc vẫn sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây”. Bác viết tiếp một câu nêu lên tính quy luật giữa tuổi tác và sức khỏe của con người: “Khi người ta đã ngoài bảy mươi xuân thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp”, là sự sút giảm tự nhiên, nên: “Điều đó cũng không có gì lạ”.

Hai đoạn văn tiếp theo, Bác dùng phép nói tránh, nói giảm một cách tinh tế. Đoạn văn chuyển tiếp lễ thông thường người đời sẽ viết: Nhưng ai mà đoán biết trước được tôi còn sống được bao lâu nữa. Người đã nói tránh, dùng điệp từ và lặp cấu trúc để tránh sự liên tưởng của người đọc, người nghe về sự sống - chết của mình: “Nhưng ai mà đoán biết được tôi còn phục cho cách mạng, phục vụ cho Tổ quốc, phục vụ cho nhân dân được bao lâu nữa?” Người dùng dấu hỏi để mọi người cùng suy nghĩ. Sau đó dùng cách nói giảm tinh tế để tránh gây sự xúc động, nỗi đau thương bất thường cho mọi người. Bác viết: “Vì vậy, tôi đề sẵn mấy lời này, phòng tôi sẽ đi gặp các cụ Các-Mác, cụ Lê-nin và các vị đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột”.

Ngày nay, mọi người đọc những dòng này cảm thấy như Bác vẫn còn sống. Chỉ khi đi xa, nhẹ cánh bay trong cuộc trường sinh vĩnh viễn của dân tộc.

Trước hết nói về Đảng - Bác dùng một chữ Đảng. Mọi người đều hiểu đó là Đảng Lao động Việt Nam (ngày nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Tư tưởng nhất nguyên (một Đảng), có từ trong bản Di chúc này.

Đảng ta là một tổ chức chính trị của giai cấp tiên phong nên cần phải coi trọng nhân tố đoàn kết: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ, phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay. Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”.

Như vậy, Người nhắc nhở Đảng ta cần phải chú ý đến các nhân tố: Đoàn kết, tổ chức lãnh đạo. Quan trọng nhất là nhân tố đoàn kết. Người khẳng định: “Đoàn kết là truyền thống quý báu của Đảng và của nhân dân ta”. Để Đảng ta lớn mạnh và phát triển, Người căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng”.

Người dùng so sánh hình ảnh gần gũi, thiết thực: “Như giữ gìn con người của mắt mình”. Người chỉ bảo: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Đây là vấn đề có tính chất nguyên tắc: Dân chủ, tự phê bình và phê bình; Người còn dạy phải chú ý đến yếu tố tình cảm nên “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Người dặn dò mỗi đảng viên và các cán bộ phải có ý thức tu dưỡng tư tưởng, làm tốt nhiệm vụ của mình: “Phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính chí công vô tư, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”.

Thực hiện lời dạy của Bác, mỗi đảng viên và cán bộ cần giữ gìn sự đoàn kết, cố gắng học tập tu dưỡng đạo đức cách mạng, quên mình

phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng Đảng ta thành một Đảng vững mạnh làm tròn sứ mệnh thiêng liêng mà Đảng ta đã đề ra: Xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

Trong bản Di chúc này, nói về Đảng là nội dung Bác dành cho nhiều lời nhất. Đó là những tư tưởng xây dựng Đảng của Người còn nguyên giá trị cho Đảng ta hôm nay và mai sau.

Đoàn viên và thanh niên - Là lực lượng hậu bị của Đảng, là tương lai của dân tộc. Người khen ngợi: “Đoàn viên thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái tham gia, có chí tiến thủ”. Người yêu cầu Đảng ta “Cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Sau đó Bác viết một câu và cũng là đoạn văn độc lập có ý nghĩa kết luận một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt:

“Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết”.

Trong hoàn cảnh đất nước ta và trong thực tiễn cách mạng của nước ta và thế giới, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau có ý nghĩa chiến lược gắn với sự sống còn của Đảng cách mạng, của chế độ xã hội, của quốc gia, dân tộc và của mỗi gia đình.

Lời Bác dạy chúng ta luôn ghi nhớ và thực hiện thật tốt.

Nhân dân lao động - Bác có sự cảm thông sâu sắc: “Ở miền xuôi cũng như ở miền núi đã bao đời chịu đựng gian khổ” nguyên nhân là: “Bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột lại kinh qua nhiều năm chiến tranh”. Người ca ngợi nhân dân lao động ta: “Rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng nhân dân ta luôn đi theo Đảng rất trung thành với Đảng”. Bác giao nhiệm vụ: “Đảng ta cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân ta”.

Từ trong chiến tranh gian khổ, thực hiện Di chúc của Người, Đảng ta, Nhà nước ta đã đề ra những kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã

hội dài hạn, ngắn hạn cho cả nước và từng vùng, từng miền. Nhìn lại mấy chục năm qua, chúng ta đã có những thành tựu đáng kể: Tăng trưởng kinh tế ở mức độ cao, đời sống nhân dân được nâng lên, bộ mặt đất nước đổi thay, giàu đẹp lên rất nhiều...

Ngày nay thực hiện lời Di chúc của Bác Đảng ta, Nhà nước ta luôn chú ý làm tốt hai mặt: “Có kế hoạch thật tốt” và “Không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”.

Về cuộc kháng chiến chống Mỹ - Người nhận định: “Có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người”. Đó là lời nhận định rất đúng với thực tiễn chiến tranh, thực tiễn chiến trường Việt Nam đánh Mỹ. Do đó Người nêu lên quyết tâm: “Dù sao chúng ta cũng phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”. Người còn nói về viễn cảnh sau khi chúng ta thắng Mỹ, bằng hai dòng thơ tạo nên niềm tin vào tương lai tươi sáng:

“Còn non còn nước còn người

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”

Người tin tưởng sắt son vào sự toàn thắng: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”.

Niềm tin của Bác thành niềm tin của toàn dân ta, tạo nên sức mạnh vật chất đập bằng gian khó, lập nên những chiến công hiển hách. Gần 6 năm sau niềm tin vào thắng lợi của Người đã thành hiện thực. Đúng như lời dạy của Người nước ta đã có vinh dự lớn là: Một nước nhỏ mà đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”.

Ngày nay chúng ta thực hiện Di chúc của Người là chuyển tinh thần đánh Mỹ thành tinh thần bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh trật tự, tạo điều kiện ổn định để phát triển kinh tế văn hóa xã hội.

Về phong trào cộng sản thế giới - Là một chiến sĩ cộng sản quốc tế lỗi lạc nên Người có nỗi niềm riêng: “Tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các Đảng anh em”.

Người mong rằng: “Đảng ta sẽ ra sức hoạt động góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các Đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản có lý có tình”.

Người tin tưởng: “Các Đảng anh em, các nước anh em nhất định sẽ đoàn kết lại”.

Đọc lại những dòng Di chúc này, chúng ta thấy Người như đã dự cảm về sự đổ vỡ và thoái trào của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Người gửi niềm tin vào sự hoạt động tích cực của Đảng ta và hy vọng các Đảng anh em, các nước anh em sẽ có ngày đoàn kết lại.

Ngày nay sự sụp đổ của Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, trong sự thoái trào của phong trào cách mạng thế giới Đảng ta vẫn vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin quan hệ tốt đẹp với các nước xã hội chủ nghĩa như: Trung Quốc, Triều Tiên, Cu-Ba ủng hộ nhiệt tình các tổ chức cách mạng và các Đảng cộng sản, giúp đỡ họ khôi phục lại uy tín, danh dự quyền lãnh đạo trong thời kỳ khủng hoảng thoái trào và đã quan hệ hữu nghị với tất cả các nước.

Về việc riêng - Người tách ra làm phần thứ ba, ghi lại bằng 79 chữ có sự ngẫu nhiên trùng khớp với số tuổi của Người. Bác nói rằng: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”. Như vậy Người đã hiến dâng cả cuộc đời cho Tổ quốc cho nhân dân và cho sự nghiệp cách mạng. Sau đó Người dùng cách nói giảm thông dụng nhất để nói về mình: “Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”. Cũng bằng cách nói giảm thông dụng Người căn dặn chúng ta: “Sau khi tôi đã qua đời chớ nên tổ chức điều phúng linh đình

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG TU THÂN CỦA NHO GIÁO VÀO VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁC MẠNG CHO THẾ HỆ TRẺ

CN. NGUYỄN NGỌC CƯỜNG

Bộ môn Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Quan điểm tu thân của Khổng Tử

Học thuyết Nho giáo có nhiều tư tưởng, nhiều quan điểm có giá trị lớn lao. Trong đó phải kể đến các quan điểm, tư tưởng: Quân tử và tiểu nhân; sự học; quan nhân; bằng hữu; nhân ái; sự giáo hoá; cách lập giáo; Hiếu đễ; lễ nhạc; chính trị; chính danh; định phân; tôn quân quyền; thiên ý; quân dân tương thích...

Tu nhân (tu thân dưỡng tính) là một trong những tư tưởng, những quan điểm cơ bản cùng các tư tưởng của quan điểm nói trên làm nên học thuyết Nho giáo; hơn thế, nó làm nên sự bền vững và tính phổ biến của Nho giáo.

Thời Khổng Tử chưa dùng chữ tu thân, mà chỉ nói đến sự chính trực, ngay thẳng của cá nhân. Thực chất của Tu thân là cá nhân phải luôn "Sửa mình" để trở thành người chính trực, ngay thẳng.

Về sau Nho giáo mới đề cập đến quan niệm Tu thân. Nho giáo coi Tu thân là một trong chín điều cơ bản để trị vì thiên hạ, trong chín điều ấy; tu thân được đặt lên hàng đầu, đó là:

1. Tu thân.
2. Tôn người hiền.
3. Thân người thân.
4. Kính các đại thần.
5. Xem xét công lao bề tôi.
6. Thương dân như con.
7. Thu hút các nhà công nghiệp.
8. Đối đãi mềm mỏng với người phương xa.
9. Ưu ái chư hầu.

Chính vì vậy Nho giáo đã đề ra nguyên tắc bất di bất dịch là: "Từ Thiên tử đến người dân thường, ai cũng lấy Tu thân làm gốc". Nho giáo nhấn mạnh tính thống nhất không thể chia cắt giữa việc tu dưỡng bản thân với

việc trị quốc (cai trị đất nước), bình thiên hạ cụ thể: "Người xưa muốn làm tỏ Đức sáng trong thiên hạ thì trước phải trị quốc trước phải tề gia; muốn tề gia phải tu thân; muốn tu thân thì trước phải chính tâm; muốn chính tâm thì trước phải thành ý; muốn thành ý thì trước phải trí tri; trí tri là ở cách vật".

Từ quan hệ trên, chúng ta thấy có tám khâu cơ bản.

1. Một là: "Cách vật" - Tìm hiểu sự vật.
2. Hai là: "Trí tri" - Sự hiểu biết.
3. Ba là: "Thành ý" - Suy nghĩ trong sáng.
4. Bốn là: "Chính tâm" - Giữ cái tâm ngay thẳng chính trực.
5. Năm là: "Tu thân" - Tu dưỡng rèn luyện đạo đức ngay thẳng.
6. Sáu là: "Tề gia" - Làm cho cuộc sống gia đình có nề nếp trật tự.
7. Bảy là: "Trị quốc" - Cai trị đất nước.
8. Tám là: "Bình thiên hạ" - Mở rộng sự bình trị ra khắp bốn phương.

2. Tư tưởng tu thân của nho giáo và các giá trị tích cực của nó

Nho giáo đòi hỏi con người phải tu thân làm đầu để đến một nhân cách lý tưởng "Nội thánh, ngoại vương". Nội thánh tức là trong bản thân phải có những phẩm chất đạo đức, như đức Nhân - lòng thương người; Hiếu đễ - ăn ở hết lòng với cha mẹ, biết kính trọng anh em; trung thứ - trung hậu, hoà mục khiêm tốn, nhường nhịn, không giả dối quanh co, đã hứa phải giữ lấy lời, trong công việc phải cẩn thận và hết lòng, trọng nghĩa trọng khinh lợi.

Trong điều kiện hiện nay để hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra thì "Cán bộ là cái gốc của công việc" (Như cách nói của Chủ tịch

Hồ Chí Minh). Mà cái gốc của người cán bộ cách mạng là đạo đức cách mạng. Cái gốc ấy không thể có được đến không tu thân, không tự rèn luyện mà nên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu có chọn lọc triết lý tu thân của Nho giáo và đặt nó trên một cơ sở mới. Người đã vạch rõ tiêu chuẩn cán bộ cách mạng là phải có đức, có tài trong đó đức là gốc. Đòi hỏi cán bộ phải có bản lĩnh đạo đức. “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không làm được. Công việc cách mạng là một việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”.

Nhận thức rõ sức mạnh đạo đức trong xã hội Phương đông, nhất là trong truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam, ngay từ những ngày đầu Cách mạng Tháng tám, Người đã nêu lên ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc tu dưỡng đạo đức của người cộng sản” sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang”.

3. Đạo đức phải do rèn luyện mà nên

Tu thân, tự sửa mình để trở thành người chính trực ngay thẳng. Đó là tư tưởng đúng đắn. Chính vì đúng đắn mà nó tồn tại hơn hai nghìn năm nay, phổ biến rộng rãi không những ở Trung Quốc, ở các nước châu Á mà còn được các nhà nghiên cứu và công chúng châu Âu, châu Mỹ đón nhận.

Tư tưởng tu thân được cha ông ta tiếp nhận một cách chủ động từ Nho giáo. Có thể nói đó là một sự tiếp nhận đúng và tiến bộ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm rằng: “Muốn xã hội dựng chủ nghĩa xã hội, cần phải có con người xã hội chủ nghĩa” đó chính là vấn đề: Nhân tố con người trong sự nghiệp cách mạng, đối với con người, nhất là người cách mạng phải đề cao đạo đức. Người thường nhắc nhở: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”. Vậy muốn

là người có đạo đức phải làm gì? phải tu thân dưỡng tính, luôn chịu khó sửa mình như Nho giáo vẫn kêu gọi: “Khắc kỷ phục lễ vi nhân” (sửa mình theo lễ mới là người). Nói gọn lại, đạo đức là do rèn luyện, mà phải rèn luyện bền bỉ, hàng ngày. Bài thơ “Giã gạo” của Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ nhất vấn đề rèn luyện đạo đức.

“Gạo đem vào giã bao đau đớn

Gạo giã xong rồi trắng tựa bông

Sống ở trên đời người cũng vậy

Gian nan rèn luyện mới thành công”.

4. Tu thân trong mối quan hệ gia đình và xã hội

Nho giáo thấy được vai trò tích cực của đạo đức trong đời sống xã hội và kêu gọi thuyết phục mọi người rèn luyện, tu dưỡng, tự sửa mình đồng thời Nho giáo đặt vấn đề tu thân trong mối quan hệ gia đình và xã hội, từ đó để giải quyết các vấn đề đạo đức và chính trị. Nho giáo kiên trì động viên con người gắn bó với cộng đồng, cố kết con người cộng đồng từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao theo một trật tự nhất định. Về mặt này, Nho giáo tiến bộ hơn, cách mạng hơn nhiều so với các tôn giáo khác, các học thuyết khác trong xã hội. Theo Khổng Tử- Mạnh Tử thì tình nghĩa và trách nhiệm của con người với gia đình là sâu sắc và nặng nề, đồng thời đó cũng là đầu mối tình cảm và trách nhiệm đối với nước, dân tộc và cộng đồng xã hội (thiên hạ).

Trong cuộc sống cộng đồng con người. Nho giáo đặc biệt coi trọng kỷ cương, trật tự. Điều này bắt từ gia đình. Có tề gia được mới trị quốc được, có trị quốc được mới bình thiên hạ được.

Nho giáo quan niệm xã hội có Nhân nghĩa và Lễ nghĩa, tức là có đạo đức và có văn hoá. Để từ đó mà đưa đất nước và thiên hạ đi tới cuộc sống văn minh và hữu đạo, thực hiện thiên hạ đại đồng.

Kết luận: Theo Nho giáo, quan hệ giữa cá nhân và gia đình có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Chính vì vậy việc tu thân của từng cá nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tề gia trị quốc, bình thiên hạ.

UƯ THỂ LAI F_1 CỦA TỔ HỢP LAI THUẬN NGHỊCH GIỮA GÀ MÈO VÀ GÀ AI CẬP NUÔI TẠI THÁI NGUYÊN

PGS.TS. NGUYỄN TRỌNG LẠNG - Đại học Thái Nguyên

ThS. NGÔN THỊ HOÀN - Đại học Thái Nguyên

PGS.TS. CAO VĂN - Trường Đại học Hùng Vương

1. Đặt vấn đề

Bên cạnh việc giải quyết tốt vấn đề thức ăn, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, các biện pháp thú y, chăm sóc, thì công tác tuyển chọn, lai tạo, cải tiến giống nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm và hiệu quả chăn nuôi là vấn đề cấp thiết cần được tập trung nghiên cứu một cách đầy đủ. Gần đây một số công trình nghiên cứu đánh giá, chọn giống, chăn nuôi gia cầm địa phương cổ truyền và nhập nội [1, 3, 4, 6] và một số kết quả chọn giống, lai tạo giữa các giống gà đã được công bố [2]. Nghiên cứu theo hướng này góp phần thúc đẩy phát triển chăn nuôi gà năng suất, chất lượng cao có thể sản xuất chuyên dụng hoặc kiêm dụng trứng - thịt và thích hợp với phương thức nuôi bán chăn thả vườn đồi.

Công bố một số kết quả nghiên cứu về khả năng sinh trưởng của gà lai F_1 thuộc các phép lai thuận nghịch giữa giống gà Ai Cập với gà Mèo, nhằm khai thác nguồn gen tốt của các giống gà địa phương, tổ hợp với nguồn gen gà nhập nội và hy vọng sử dụng ưu thế lai trong chăn nuôi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các giống gà Ai Cập, gà Mèo và con lai F_1 của các phép lai giữa ♂ Ai Cập ♀ Mèo và ♂ Mèo x ♀ Ai Cập nuôi theo phương thức từ 01 - 5 tuần tuổi nuôi nhốt hoàn toàn, trên 5 tuần tuổi nuôi bán chăn thả. Thí nghiệm chăn nuôi và phân tích thực nghiệm

được thực hiện tại Phòng TN Di truyền - Sinh học hiện đại - Khoa Sinh trường ĐHSP và Phòng TN Trung tâm trường ĐHNL Thái Nguyên. Các lô thí nghiệm nuôi từ tháng 8/2003 đến 11/2003. Các công thức lai được bố trí cùng địa điểm, cùng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo đồng đều về thời gian, tuổi, chiếu sáng chuồng trại, thức ăn và thú y.

Xác định chỉ tiêu sinh trưởng tích lũy, sinh trưởng tuyệt đối, sinh trưởng tương đối, ưu thế lai của các tổ hợp lai và sự tiêu tốn thức ăn cho 1kg tăng khối lượng (KL) cơ thể bằng các phương pháp thường dùng [1, 6]. Xử lý số liệu thu được trong từng lô và cả đàn bằng phương pháp thống kê sinh học.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Xác định khả năng sinh trưởng tích lũy

Theo dõi khả năng sinh trưởng tích lũy của các lô gà thí nghiệm từ sơ sinh đến 13 tuần tuổi được trình bày ở bảng 1 cho thấy khối lượng cơ thể gà tăng đều qua các tuần tuổi, các lô thí nghiệm đều sinh trưởng khá tốt. Trong đó khả năng sinh trưởng tích lũy tốt nhất ở gà Ai Cập có khối lượng sơ sinh là 30,2g tới bảy tuần tuổi đạt 587,2g và ở 13 tuần tuổi sinh trưởng tích lũy đạt 1.571g, tổ hợp F_1 ♂ Ai Cập ♀ Mèo là 1.540g, tổ hợp F_1 ♂ Mèo ♀ Ai Cập đạt 1.500g, gà Mèo thuần là 1.127g.

Bảng 1: Khối lượng cơ thể gà bố mẹ, gà lai F₁ AC x M và M x AC qua các tuần tuổi (g)

Giống tuần tuổi	Ai Cập		Mèo		AC x Mèo		Mèo x AC	
	$\bar{X} \pm m_x$	Cv%	$\bar{X} \pm m_x$	Cv%	$\bar{X} \pm m_x$	Cv%	$\bar{X} \pm m_x$	Cv%
SS	30,20 ± 0,49	7,12	329,80 ± 1,74	8,77	29,62 ± 0,42	5,57	28,20 ± 1,10	7,09
1	75,25 ± 2,70	12,5	63,20 ± 2,18	20,6	69,75 ± 2,18	14,4	67,40 ± 1,40	18,8
3	133,7 ± 4,80	18,2	115,0 ± 3,29	18,7	129,3 ± 4,65	12,6	129,9 ± 3,12	21,2
5	385,9 ± 9,16	13,2	299,3 ± 12,0	13,3	361,8 ± 9,17	17,2	365,0 ± 11,6	10,8
9	841,3 ± 19,2	13,8	676,2 ± 20,6	8,12	832,1 ± 39,1	13,7	831,3 ± 38,2	14,6
11	1102 ± 26,2	9,80	931,8 ± 21,2	12,8	1098 ± 47,9	17,2	1095 ± 28,1	10,3
13	1571 ± 26,2	8,76	127 ± 29,1	9,62	1540 ± 37,1	7,98	1500 ± 35,6	9,18

Bảng 1 cho biết các tổ hợp lai F₁ trong các công thức lai đều có khả năng sinh trưởng tích lũy tốt. Tổ hợp lai F₁ ♂ AC x ♀ Mèo có tốc độ sinh trưởng gấp 1,51 lần gà Mèo, tổ hợp lai F₁ ♂ Mèo x ♀ Ai Cập có tốc độ sinh trưởng tích lũy gấp 1,46 lần gà Mèo.

Các tổ hợp lai F₁ đều có khả năng sinh trưởng tích lũy cao hơn gà nội và cao hơn trung bình của bố mẹ. Thực nghiệm đã xác nhận các tổ hợp lai ♂ Ai Cập x ♀ Mèo có tốc độ sinh trưởng tích lũy cao hơn các tổ hợp lai khác và cao hơn trung bình của bố mẹ từ 1,49 đến 1,5 lần. Điều này khẳng định các tổ hợp lai F₁ đều biểu hiện ưu thế về khả năng sinh trưởng tích lũy và có khả năng sinh trưởng tốt. Khả năng sinh trưởng tích lũy của gà thí nghiệm tăng dần qua các tuần tuổi, mức độ tăng tương đối đồng đều giữa các lô. Trong đó ở tuần thứ 2, 3 và 10 khả năng sinh trưởng tích lũy của gà thí nghiệm có xu hướng giảm. Trong các tuần thứ 12 và 13, gà Ai Cập và các tổ hợp lai đều có biểu hiện sinh trưởng tốt, còn gà Mèo thì sinh trưởng tích lũy giảm. Các tổ hợp lai F₁ có biểu hiện ưu thế về tốc độ sinh trưởng so với gà địa phương.

3.2. Xác định khả năng sinh trưởng tuyệt đối

Sinh trưởng tuyệt đối là khả năng tăng khối lượng, kích thước và thể tích cơ thể trong thời

gian giữa 3 lần khảo sát. Tiến hành khảo sát từ sơ sinh tới 13 tuần tuổi (cân 1 lần/tuần), để xác định khả năng sinh trưởng tuyệt đối của chúng.

Bảng 2: ST tuyệt đối của gà TN qua các tuần tuổi (g/con/ngày)

Tuần	Mèo	AC	AC x M	M x AC
0 - 1	17.96	1.36	20.19	20.50
2 - 3	10.45	9.18	9.72	9.56
4 - 5	6.08	11.74	9.45	9.40
6 - 7	4.83	5.67	4.55	5.87
8 - 9	4.05	4.23	4.27	4.22
10 - 11	6.57	4.98	5.08	5.12
12 - 13	0.75	4.33	4.01	3.41
TB	6.66	7.42	7.43	7.47

Kết quả ở bảng 2 cho thấy khả năng sinh trưởng tuyệt đối ở gà thí nghiệm tăng dần qua các tuần tuổi. Trong suốt quá trình sinh trưởng, tốc độ sinh trưởng cao nhất ở các giai đoạn từ tuần 4 - 5, từ tuần 8 - 9, tuần 11 và tuần 13. Ở một vài giai đoạn tuần 2, tuần 6 và tuần 10 tốc độ sinh trưởng tuyệt đối giảm không theo quy luật, ở tuần 2 do gà mắc bệnh cầu trùng, tuần 10 có một số ngày thời tiết nóng, có thể bị ảnh hưởng bởi thay đổi phương thức chăn nuôi (từ

chế độ nuôi nhốt hoàn toàn sang chế độ bán chăn thả), từ lúc 6 tuần tuổi.

Tính trung bình từ sơ sinh tới 13 tuần tuổi khả năng sinh trưởng tuyệt đối cao nhất ở gà Ai Cập đạt 16,93g/con/ngày tiếp theo là tổ hợp F_1 ♂ Ai Cập x ♀ Mèo 16,60; tổ hợp F_1 ♂ Mèo x ♀ Ai Cập 16,17 và gà Mèo thuần là 10,96g/con/ngày. Từ kết quả trên có thể nhận thấy các tổ hợp lai F_1 trong các công thức lai đều có ưu thế lai về sinh trưởng tuyệt đối so với trung bình của gà bố mẹ, cao nhất là tổ hợp lai F_1 ♂ Ai Cập ♀ Mèo cao hơn trung bình của bố mẹ 2,66g/con/ngày.

Để đánh giá khả năng sinh trưởng tuyệt đối giữa các dòng gà thí nghiệm, chúng tôi tiến hành xây dựng biểu đồ minh họa khả năng sinh trưởng. Qua kết quả thực nghiệm nhận thấy khả năng sinh trưởng tuyệt đối ở gà có biểu hiện tăng giảm có tính chu kỳ ở các tuần tuổi khác nhau. Tiến hành đánh giá khả năng sinh trưởng tuyệt đối của gà thí nghiệm cho thấy cả 4 tổ hợp lai đều có ưu thế lai về sinh trưởng tuyệt đối cao hơn so với trung bình của bố mẹ từ 2,13 tới 2,66g/con/ngày. Trong chăn nuôi nên sử dụng các tổ hợp lai F_1 trong hướng sản xuất thịt, vì các tổ hợp lai này có ưu thế về khả năng sinh trưởng.

3.3. Sinh trưởng tương đối

Kết quả khảo sát khối lượng gà thí nghiệm từ 1 đến 13 tuần tuổi sắp xếp ở bảng 3 cho thấy khả năng sinh trưởng tương đối của gà thí nghiệm giảm dần qua các tuần tuổi. Cao nhất là thời điểm 1 tuần tuổi, khả năng sinh trưởng tương đối dao động từ 17,23%, sau đó giảm dần.

Số liệu thu được cho thấy các tổ hợp lai giữa ♂ AC ♀ Mèo và ♂ Mèo x ♀ AC đều có khả năng sinh trưởng tương đối cao hơn gà bố mẹ. Từ bảng 3 có thể nhận thấy thời gian nuôi càng kéo dài thì khả năng sinh trưởng tương đối của

gà thí nghiệm càng giảm, dẫn tới hiệu quả chăn nuôi thấp.

Bảng 3: ST tương đối (g%/con) của gà TN qua các tuần tuổi

Tuần	Mèo	AC	AC x M	M x AC
0 - 1	4.77	6.44	5.73	5.60
2 - 3	5.68	5.92	6.01	5.96
4 - 5	9.27	20.97	16.43	16.51
6 - 7	10.73	17.08	12.96	16.63
8 - 9	14.47	18.74	18.73	18.47
10 - 11	30.93	28.52	28.96	29.07
12 - 13	4.35	35.73	32.68	27.37
0 → 13	10.96	16.93	16.60	16.17

Thực nghiệm cho biết các tổ hợp lai đều phù hợp với điều kiện khí hậu, chế độ chăm sóc, chăn nuôi tại Thái Nguyên và có thể mở rộng sản xuất.

3.4. Biểu hiện ưu thế lai

Việc xác định biểu hiện ưu thế lai (Heterosis) về khối lượng (KL) cơ thể của các tổ hợp lai F_1 qua các tuần tuổi thu nhận được kết quả trình bày ở bảng 4.

Bảng 4: Ưu thế lai về KL cơ thể (g) gà lai F_1 AC - Mèo và Mèo - AC

Tuần	AC	Mèo	AC-M	H%	M-AC	H%
SS	30.20	29.80	29.62	-1.26	28.20	-6.00
1	71.25	63.20	69.75	3.75	67.40	0.25
3	133.7	115.0	129.3	3.94	129.9	4.42
5	385.9	299.3	361.8	5.60	249.5	6.54
7	587.2	425.8	544.0	7.40	437.6	9.38
9	841.3	676.2	832.1	9.66	702.0	9.55
11	1102	931.8	1098	8.01	1095	7.67
13	1571	1127	1540	14.15	1500	11.19

Cơ sở di truyền học và nhân tố môi trường đối với sự biểu hiện ưu thế lai đã được giải thích trong một số tài liệu của Đặng Hữu Lanh và cs [3], Phan Cự Nhân [5]. Kết quả thực nghiệm sắp xếp ở bảng 5 cho thấy ưu thế lai của các tổ hợp lai F_1 tăng dần qua các tuần tuổi. Ưu thế lai biểu hiện tổ hợp lai bố AC mẹ Mèo cao hơn so với tổ hợp lai ♂ Mèo x ♀ AC, điều này cho thấy ưu thế lai có xu hướng biểu hiện theo dòng bố. Ở các tuần 2 và 7, ưu thế lai ở các tổ hợp lai có xu hướng giảm. Theo Đặng Hữu Lanh và cs [3] từ những năm 60 của thế kỷ vừa qua, Stonaker đã công bố những kết quả nghiên cứu về ưu thế lai ở một số giống vật nuôi. Nghiên cứu các giống gà hướng thịt, họ nhận thấy ưu thế lai về thể trọng gà lai 10 tuần tuổi ở con lai ♂ cao hơn 14% so với gà bố mẹ, còn gà lai ♀ thì cao hơn 8%. Nghiên cứu gà Tây cũng thấy ưu thế lai có xu hướng biểu hiện tương tự. Biểu hiện ưu thế lai cho thấy khả năng sinh trưởng của các tổ hợp lai đều vượt hơn so với giá trị trung bình của bố mẹ. Từ kết quả trên có thể nhận thấy tất cả các tổ hợp lai trong các công thức lai thuận nghịch đều có khả năng sinh trưởng nhanh, sức đề kháng tốt, có thể ứng dụng trong chăn nuôi cho hiệu quả kinh tế cao.

3.5. Tiêu tốn thức ăn

Theo dõi khả năng thu nhận và chuyển hoá thức ăn của đàn gà trong quá trình nuôi và xác định mức tiêu tốn thức ăn cho 1kg tăng khối lượng cơ thể là một chỉ tiêu có ý nghĩa kinh tế cần thiết. Khả năng tiêu tốn thức ăn của các dòng gà thí nghiệm tăng dần qua các tuần tuổi, chứng tỏ thời gian nuôi càng kéo dài thì hiệu quả kinh tế càng thấp. Đây là một chỉ tiêu cần thiết cho việc xác định thời điểm giết mổ thích hợp bảo đảm hiệu quả kinh tế cao.

Bảng 5: Tiêu tốn thức ăn (kg) cho 1kg tăng KL cơ thể gà TN

Tuần	Mèo	AC	AC x M	M x AC
1	1.49	1.26	1.39	1.41
3	1.79	2.05	1.89	1.93
5	3.71	2.5	2.71	2.72
7	3.57	2.78	3.06	3.10
9	3.18	2.41	2.79	2.81
11	3.97	2.97	3.44	3.49
13	4.08	3.63	3.92	4.01
TB	2.99	2.54	2.72	2.75

Bảng 5 cho thấy gà lai có khả năng chuyển hoá tốt thức ăn, trung bình mức tiêu tốn thức ăn cho 1kg tăng KL cơ thể từ 2,72 đến 2,75kg thức ăn, trong đó tổ hợp lai F_1 ♂ AC x ♀ Mèo có mức độ tiêu tốn thức ăn thấp nhất là 2,72kg thức ăn/1kg tăng KL cơ thể, còn tổ hợp lai F_1 ♂ Mèo x ♀ AC là 2,75kg. Có thể nhận định con lai F_1 của các tổ hợp lai ♂ AC x ♀ Mèo và ♂ Mèo x ♀ AC đều có khả năng cho hiệu quả kinh tế cao trong chăn nuôi. Khả năng chuyển hoá tốt thức ăn là gà AC (2,54kg/1kg tăng KL) > Mèo (2,99kg/1kg).

KẾT LUẬN

1. Các tổ hợp lai F_1 thuộc các công thức lai thuận nghịch đều có khả năng sinh trưởng cao hơn mức trung bình của gà bố mẹ.
2. Khả năng sinh trưởng tuyệt đối, sinh trưởng tương đối của các giống gà bố mẹ Mèo, Ai Cập và các con lai F_1 của các phép lai giữa chúng đã được xác định.

3. Xác định ưu thế lai về khối lượng cơ thể qua các tuần tuổi đều biểu hiện ở các dòng gà lai F_1 , mức độ ưu thế lai về khối lượng của các tổ hợp lai lúc 13 tuần

(Xem tiếp trang 26)

CÁI PHI LÝ TRONG CỐT TRUYỆN TRUYỆN NGẮN NGUYỄN HUY THIỆP

ThS. PHẠM TUẤN ANH - Khoa KHXH & NV

SV. ĐINH VĂN THUẬN - K2 ĐHSPT Ngữ văn

I. VẤN ĐỀ

Bước ra khỏi chiến tranh, văn học nước nhà vận động mạnh mẽ theo xu hướng đổi mới để bắt kịp cuộc sống thời bình. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Huy Thiệp nổi lên như “một hiện tượng lạ”. Sự xuất hiện của Nguyễn Huy Thiệp làm xôn xao dư luận, khuấy đảo bầu không khí văn học bấy lâu trầm lắng. Cây bút trẻ này đã trở thành người có được nhiều bài nghiên cứu, phê bình về mình nhất trong một thời gian ngắn và chưa có độ lùi. Có thể nói Nguyễn Huy Thiệp là cây bút có vị trí đặc biệt trong sự vận động đổi mới văn xuôi Việt Nam sau 1975 ở thể loại truyện ngắn.

Có nhiều ý kiến trái ngược nhau xung quanh “hiện tượng Nguyễn Huy Thiệp”, nhưng nhìn chung các nhà nghiên cứu đều khẳng định đây là một tài năng. Sự tồn tại các ý kiến đối lập chủ yếu tập trung xung quanh vấn đề “cái tâm” của nhà văn, còn lại, hầu hết đều gặp nhau ở “cái tài” của Nguyễn Huy Thiệp⁽¹⁾.

Những yếu tố nào tạo nên cái mới của truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp? Để trả lời câu hỏi này, còn cần phải tiếp tục khảo cứu, lí giải từ nhiều góc độ. Trong sự tiếp xúc đáng kể với văn học đương đại thế giới, kể từ sau 1975, nhất là sau 1986, văn xuôi Việt Nam đã có những dấu hiệu cách tân rõ rệt. Một trong những biểu hiện cách tân là xu hướng hấp thu những thủ pháp, sâu hơn là sự biến đổi tư duy nghệ thuật, theo thẩm mĩ phương Tây hiện đại, hậu hiện đại. Có hay không dấu ấn của thẩm mĩ hậu hiện đại trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp? Tìm hiểu cái phi lí trong sáng tác của nhà văn này là một cố gắng minh giải điều đó.

Ở nước ta, ứng dụng lí thuyết về cái phi lí vào nghiên cứu văn học là một hướng đi mới mẻ. Gạn bỏ đi những cái chưa “thuần”, còn tỏ ra “ồn ào”, cũng là cái dễ gặp phải của sự cách tân, có thể đánh giá một cách chừng mực về ý nghĩa của cái phi lí, để thấy cái phi lí là phạm trù thẩm mĩ thể hiện cảm quan nhân đạo sâu sắc của người nghệ sĩ. Phản ánh cái phi lí, nhà văn có cơ hội thể hiện thái độ lên án, phủ nhận sự tồn tại của thế giới với những biểu hiện phản nhân văn, phản tiến bộ. Đồng thời, cái phi lí trong văn học còn phản ánh cái nhìn chia sẻ và lo âu cho số phận nhỏ nhoi của con người trong một thế giới đầy rẫy bất trắc, trong một thời đại kĩ trị khủng hoảng niềm tin.

Cái phi lí là một phạm trù thẩm mĩ dùng để chỉ trạng thái con người sống cô đơn, mất niềm tin trong một thế giới xa lạ, hiện hữu. Cái phi lí biểu hiện ở những điều phi logic, phi lí tính, phản lại các giá trị nhân văn, tiến bộ. Trong văn học, phạm trù này biểu hiện ở rất nhiều các phương diện khác nhau. Đối với truyện ngắn, thì phương diện cốt truyện là nơi ghi dấu cái phi lí đậm nét hơn cả.

Thể hiện cái phi lí trong sáng tác của mình, các nhà văn thể hiện một nhãn quan hiện thực sâu sắc. Họ phản ánh và đấu tranh chống lại những cái phi lí trong đời sống con người. Đồng thời, viết về cái phi lí, nhà nghệ sĩ còn tỏ rõ thái độ lo âu cho sự tồn tại của bản thể con người trong một thế giới khủng hoảng niềm tin, trong một “thời đại mất chúa”.

Ở nước ta, việc nghiên cứu cái phi lí ở các tác giả, tác phẩm văn học mới chỉ bắt đầu. Tác giả Nguyễn Văn Dân trong chuyên luận *Văn*

học phi lí⁽²⁾ đã chỉ ra sự tiếp thu ảnh hưởng của văn học phi lí tới văn học Việt Nam ở hai tác giả trẻ là Phạm Thị Hoài và Nguyễn Việt Hà. Cũng dưới cái nhìn so sánh như vậy, tác giả Phùng Ngọc Kiếm trong bài viết: “*Tự sự 365 ngày của Hồ Anh Thái và văn học phi lí*”⁽³⁾ đã đi sâu, khám phá khía cạnh xây dựng nhân vật vô danh, thập xung... của tác giả trẻ này... Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về cái phi lí chỉ dừng lại như một đối tượng của văn học so sánh - một ngành khoa học còn khá mới mẻ khác ở Việt Nam.

Trong bức tranh đổi mới của văn xuôi Việt Nam sau 1975, Nguyễn Huy Thiệp nổi lên như “một hiện tượng lạ”. Sự xuất hiện của nhà văn đã làm xôn xao dư luận, khuấy đảo bầu không khí văn học bấy lâu nay trầm lắng. Trong một thời gian ngắn và chưa có độ lùi, cây bút này đã trở thành người có được nhiều bài nghiên cứu, phê bình về tác phẩm của mình nhất.

Có thể thấy rằng truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp có sự thể hiện rõ nét của cái phi lí. Trước đây, trong một số công trình nghiên cứu về Nguyễn Huy Thiệp, các tác giả ít hay nhiều, với mức độ đậm nhạt khác nhau, đã có đề cập đến những điều phi lí trong sáng tác của nhà văn này. Tuy nhiên có một điểm chung là các công trình đi trước xem những điều “nghịch lí”, “phi lí” như là những biểu hiện của bức tranh hiện thực trong tác phẩm của nhà văn. Về cơ bản, các ý kiến này không cùng xuất phát điểm với chúng tôi - xem cái phi lí như một phạm trù thẩm mĩ. Tuy nhiên đây cũng là những tiền đề và gợi ý quan trọng để chúng tôi tiến hành khảo sát các yếu tố phi lí trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp.

Trong phạm vi hạn hẹp của thời gian cũng như giới hạn của đề tài, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát những cái phi lí trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp ở phương diện cốt truyện - một phương diện thể hiện đậm đặc các yếu tố phi lí.

II - PHẦN NỘI DUNG

1. Đặc điểm cốt truyện truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp và con đường hình thành cái phi lí

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*⁽⁴⁾, cốt truyện là: “Hệ thống những sự kiện cụ thể, được tổ chức theo yêu cầu tư tưởng và nghệ thuật nhất định, tạo thành bộ phận cơ bản, quan trọng nhất trong hình thức động của tác phẩm văn học thuộc loại tự sự và kịch”. Trong nghệ thuật xây dựng cốt truyện truyền thống, các sự kiện làm “sườn” cho truyện ngắn được sắp xếp theo quan hệ nhân quả. Theo đó sự kiện trước là “nhân” và sự kiện sau là “quả”. Khi nhân biến thành quả là lúc thế cân bằng bị phá vỡ. Và sau khi thành quả rồi thì thế cân bằng mới lại được lập. Và ở đó nhân càng to thì quả càng lớn.

Cốt truyện của truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp đã có một bước đột phá quan trọng khi nhà văn tiến tới xu hướng gạt bỏ cốt truyện ra khỏi vai trò tổ chức tác phẩm. Ở đây cũng cần phải nói thêm, truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp cũng có nhiều truyện được tổ chức theo kiểu truyền thống. Đó là những truyện: *Giọt máu, Muối của rừng, Sang sông, Phẩm tiết, Kiếm sắc, Huyền thoại phố phường...* Nhưng ở những truyện này ngoài các mối quan hệ nhân quả vốn có thì các yếu tố ngẫu nhiên tình cờ chiếm vị trí quan trọng. Đó là chi tiết chiếc vé số của Hạnh trong I, hay chi tiết con khỉ con bắt ngờ cướp súng của ông Diều trong *Muối của rừng*... Đây chính là tiền đề cho sự xuất hiện cái phi lí. Chúng tôi sẽ căn cứ ở những điểm đó và từ đây sẽ khu biệt riêng những truyện ngắn này.

Xu hướng gạt bỏ cốt truyện thể hiện rõ nhất ở các truyện: *Mưa, Thiên văn, Đưa sáo sang sông...* Ở đây các sự kiện không đi theo logic mà liên tục bị đứt gãy, bị đập vỡ thành những mảnh vụn. Các sự kiện không thiên về chức năng thúc đẩy sự phát triển của câu chuyện mà chỉ còn nhiệm vụ biểu đạt những trạng thái tình cảm, tâm lí nhân vật một cách thuần túy mà thôi. Ở

đó nhân vật có thể trình bày những ý niệm nào đó về cuộc đời theo cách của mình.

Để xây dựng cốt truyện kiểu này Nguyễn Huy Thiệp đã sử dụng rất nhiều các kỹ thuật dựng truyện hiện đại như *lắp ghép liên văn bản, kết thúc mở, gián cách*.

1.1. Lắp ghép liên văn bản

Lắp ghép liên văn bản là một đặc điểm thi pháp mới của truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Đường như đó là sự chấp nối các mảnh vụn của cuộc sống. Barthelme - nhà lập ngôn của chủ nghĩa Hậu hiện đại đã nói: "Mảnh vụn là những hình thức duy nhất tôi tin tưởng"⁽⁵⁾. Trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp những mảnh vụn như thế được ghép mảnh thành chuỗi rời rạc, hỗn độn, phi trung tâm xung quanh một trục chính là dụng ý của nhà văn. Tiêu biểu nhất cho lối lắp ghép này là các truyện ngắn: *Không có vua, Tướng về hưu*,...

Không có vua là sự lắp ghép của bảy chương với nhau một cách khá độc lập. Bản chất phi trung tâm của loại kết cấu này thể hiện rõ nhất ở chỗ ta có thể xáo trộn một số chương cho nhau mà không ảnh hưởng đến tư tưởng của nhà văn thể hiện trong tác phẩm.

Cũng như vậy, ở *Tướng về hưu* chỉ xoay quanh một cái khung cứng: kể về nhân vật ông Thuấn trong mối quan hệ với gia đình và xã hội từ khi ông về hưu cho đến ngày ông trở lại đơn vị đối già mà chết. Và từ cái khung cứng này, tác giả nhồi vào đó vô số các mảnh ghép là các cuộc đối thoại, những chi tiết vụn vặt của đời sống sinh hoạt.

Từ những kết cấu liên văn bản, phi trung tâm kiểu này, tác giả có thể đưa vào đây những tình tiết ngẫu nhiên, bất ngờ đối với số phận nhân vật. Đây chính là những khoảng trống để nhà văn chiêm nghiệm và thể hiện cái phi lí đối với sự tồn tại của con người.

1.2. Kết thúc mở

Kết thúc mở ở đây được hiểu là văn bản đã kết thúc nhưng dòng vận động của truyện vẫn

tiếp diễn. Điều này cho phép độc giả tham gia vào diễn biến câu chuyện theo kiểu: "tùy bạn đọc lựa chọn". Và đương nhiên như vậy tuy tác giả tỏ ra rất khách quan nhưng kì thực lại rất chủ quan. Nhà văn có quyền đưa ra cách kết của mình mà không phải "mang tiếng" là gò bó áp đặt. Tác giả bỗng dưng nhẹ gánh để biến thành độc giả trên danh nghĩa. Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp tiêu biểu cho loại kết thúc này. Các cốt truyện của ông không diễn biến theo kiểu "nhân nào - quả nấy", mà đầy tính bất ngờ. Và như một hệ quả hầu hết các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp đều kết thúc không có hậu. Ở đây, kết thúc truyện là điểm đánh dấu những thất bại của con người trên con đường hướng tới cái Chân - Thiện - Mỹ.

Ngoài ra, cũng với các kết thúc mở này, Nguyễn Huy Thiệp có thể xây dựng mô típ nhân vật ra đi ở cuối truyện trên hành trình tìm kiếm vô vọng của mình. Đó cũng là một kiểu cấu tạo cốt truyện để nhà văn thể hiện cái phi lí.

Phá vỡ những logic thông thường trong cốt truyện truyền thống, Nguyễn Huy Thiệp đến với kết thúc mở chủ yếu ở những dạng như sau:

1.2.1. Hiện tượng đa kết

Đây là dạng kết thúc tác phẩm không mang tính áp đặt. Nguyễn Huy Thiệp thường đưa ra các cách thức khác nhau để "Bạn đọc tùy ý lựa chọn". Vàng lửa tiêu biểu cho cách kết thúc này với ba đoạn kết khác nhau và đều có sự hợp lí của nó. Tuy nhiên chỉ khi xâu chuỗi cả ba cái kết này ta mới thấy rõ dụng ý của tác giả. Số phận con người trong cuộc chơi quyền lực thật mỏng manh. Họ có thể được sung sướng trong chốc lát hoặc cũng có thể trong chốc lát chết bởi bàn tay của quyền lực. Và khả năng thứ hai xảy ra nhiều hơn. Đó là một điều phi lí.

1.2.2.2. Kết thúc bỏ lửng hay sự diễn tiến của hiện tại

Kết thúc bỏ lửng được hiểu là truyện kết thúc khi nhân vật chưa đi hết những biến cố của mình. Điểm kết thúc tác phẩm cũng là điểm xuất

phát cho một hành trình mới trong đó có sự tham gia của bạn đọc như một nhân vật, một người sáng tạo thực thụ. Tiêu biểu cho cách kết thúc này là các truyện: *Không có vua, Tướng về hưu, Thương cả cho đời bạc*,... *Không có vua* là sự hoán đổi thành viên trong gia đình lão Kiên. Lão Kiên chết đi thì con gái Sinh ra đời. Dòng vận động của truyện vẫn tiếp diễn, bởi nói như Đoàn khi có điện báo cậu Vĩ ở Phúc Yên chết: “Cứ gác lại đã. Các bác già chết đi có gì là lạ? Tiếp tục cuộc vui đi nào. Xin mời chư tướng”. Tương tự như vậy, kết thúc đoạn thiên *Thương cả cho đời bạc* Nguyễn Huy Thiệp viết: “Tú Xương đi. Kia Tú Xương đang đi... Ông thông tay đi vào chợ”. Câu chuyện kết thúc với một câu ở thì tiếp diễn như dòng đời bất tận và nỗi cô đơn thân phận của nhà nghệ sĩ Tú Xương vẫn không có cách giải quyết.

Tóm lại, ở loại kết thúc bỏ lửng này, Nguyễn Huy Thiệp đã đưa cuộc đời vào tác phẩm của mình với tất cả sự sinh động cũng như sự bất tận của nó. Ở đó, con người chỉ như một dấu ấn, nhỏ nhoi, mờ ảo... Đó chính là môi trường lí tưởng cho sự nảy nở cái phi lí. Mặt khác, kiểu kết thúc bỏ lửng cùng với cách lắp ghép liên văn bản với những hiện tượng ngẫu nhiên đã mang lại một hệ quả: Tính tuần hoàn của cốt truyện.

1.3. Tính tuần hoàn

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, việc kết hợp giữa lắp ghép liên văn bản và kết thúc mở đã tạo ra tính tuần hoàn ở một số cốt truyện truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Tính tuần hoàn là kiểu kết cấu giống như sơ đồ hình sin. Việc giải quyết các mâu thuẫn chỉ mang tính chất tạm thời, giả tạo. Những mâu thuẫn không được giải quyết triệt để như vậy lại là ngòi nổ cho những mâu thuẫn tiếp theo và cứ như thế. Tiêu biểu cho kết cấu kiểu này là các truyện: *Giọt máu, Con gái thủy thần* v.v...

Giọt máu là sự tuần hoàn các thế hệ của dòng họ Phạm. Trải qua mỗi đời, tỷ lệ nghịch với sự

tăng tiến về tri thức là sự suy đồi về đạo đức. Kết thúc thiên truyện là một móc mang tính tạm thời với lời trần chối của nhân vật Phong: “Minh ơi, thằng Tâm là giọt máu cuối cùng của họ Phạm đấy. Chỉ mong giọt máu này đỏ chứ không phải thứ máu đen như ông cha nó”.

Con gái thủy thần là sự lắp ghép của ba câu chuyện ứng với mỗi chặng ra đi của nhân vật chính: chàng Chương. Và kết thúc mỗi một chặng đường như vậy là điểm khởi đầu cho một cuộc ra đi mới. Chỉ có điều mỗi chặng lại ghi dấu thêm một sự thất bại của Chương. Đó như một vòng tròn bất tận, cứ chạy hết vòng tròn lại trở về vị trí ban đầu. Cứ như vậy và nhân vật không bao giờ đạt được mục đích của mình. Con người ở đây ngày càng mất đi niềm tin. Đó chính là khi cảm giác về cái phi lí tồn tại một cách rõ nét nhất. Và như vậy kiểu kết cấu cốt truyện tuần hoàn trợ giúp tích cực cho nhà văn thể hiện cái phi lí trong tác phẩm của mình.

Nguyễn Huy Thiệp dụng ý gạt bỏ cốt truyện ra khỏi kết cấu tác phẩm. Và để thực hiện nó tác giả sử dụng hàng loạt các biện pháp kĩ thuật dựng truyện hiện đại. Chính cách xây dựng cốt truyện này đã tạo ra nhiều khoảng trống, môi trường để nhà văn thể hiện cái phi lí.

2. Phi lí hay những ý niệm nhân sinh

2.1. Con người là nạn nhân của chính mình

Ai đó đã nói đến ma lực của truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Đọc Nguyễn Huy Thiệp, người ta phải ngồi, phải đọc liên mạch, không ngắt. Chi tiết, sự kiện trước không đảm bảo logic để buộc chi tiết sau phải đi theo nó như một hệ quả. Đằng sau mỗi chuyện là một nguồn nuôi dưỡng vô cùng phong phú và bất tận cho sự sản sinh những yếu tố mới. Cốt truyện luôn được làm mới bởi sự xâm nhập của các chi tiết ngẫu nhiên.

Xét ở phương diện thể hiện cái phi lí, các yếu tố ngẫu nhiên ấy là đại diện cho những thế

lực ẩn tàng đầy sức mạnh. Những thế lực ấy không phân định bằng nguyên tắc nhân quả theo kiểu “Ở hiền gặp lành; ở ác gặp dữ” như trong tư duy của thế giới có niềm tin. Thường thấy trở đi trở lại như một nỗi ám ảnh: *Con người quá nhỏ bé luôn chịu áp lực của tín niệm và bất trắc*. Đáng lẽ ra người tốt phải được trả bằng hạnh phúc, nhưng trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp thì không. Họ là những con người khác với “trật tự bầy đàn”, họ là “một anh thôi còn đâu là chúng nó”, họ hành xử bằng tình thương và lòng cao thượng, nhưng rồi họ lại phải trả giá bằng chính lòng thương của mình, chỉ trong một khoảnh khắc. Với điều phi lí này, cốt truyện tự nó đã gợi ra những suy ngẫm đầy khắc khoải. Thấm trong *Chạy đi sống ơi* là một nạn nhân như vậy. Nhân vật này sống cô đơn giữa vòng vây của những cái xấu, cái ác, mà như lời trùm Thịnh: “Ở Bến Cốc này thì truyện giết người, ăn cướp là có thực, ngoại tình có thực, cờ bạc có thực, còn chuyện trâu đen chỉ là giả dối”. Trong hoàn cảnh ấy Thấm vẫn giữ được tính thiện đáng quý của mình. Thấm là người duy nhất không những không ghét bỏ những người đánh cá đêm mà còn trắc ẩn lòng thương với họ: “Đừng trách họ thế - người phụ nữ ăn ủi tôi, giọng nói ngân nga như hát - có ai yêu thương họ đâu... họ đói và ngu muội lắm...”. Và cũng Thấm là người duy nhất có niềm tin và biết thổi niềm tin - sức mạnh để sống cho người khác: “Trâu đen có thực! Nó ở dưới nước. Khi nó lên bờ là nó mang theo cho người ta sức mạnh... Nhưng nhìn thấy nó, được nó ban điều kì diệu phải là người tốt”.

Không chỉ suy nghĩ cho điều thiện, Thấm còn sẵn lòng xả thân làm điều thiện. Chính trong cái đêm mà tên trùm Thịnh lái thuyền xô ngã nhân vật “tôi” ấy, khi mà “tôi” ngất lịm đi, thấy cả bầu trời sập xuống, thì Thấm đã có mặt. Cả cuộc đời chèo lái trên dòng sông nơi bến Cốc, đã bao lần Thấm cứu người như vậy. Thế nhưng rốt cục Thấm đã chết: Chết đuối mà không ai cứu. “Khốn nạn! Nhà Thấm cứu được không

biết bao nhiêu người ở khúc sông này... Thế mà cuối cùng nó lại chết đuối mà không ai cứu.

Anh giáo Triệu trong *Những bài học nông thôn* cũng chịu chung một hoàn cảnh như vậy. Anh vốn sinh ra ở thành phố trong một gia đình danh giá. Nhưng bản thân anh đã nhận thấy cái vô nghĩa và tối tăm của cuộc sống thành thị. Anh về nông thôn với những người nông dân thật thà chất phác mang kiến thức đến cho họ. Nhân vật giáo Triệu bứt ra khỏi thị thành hết như cánh diều vươn lên được độ cao tuyệt đích “Ở đây không còn những thứ gió quẩn khốn nạn, hiểm nguy và đầy bất trắc nữa; ở đây có thứ gió khác từ tẻ, cao thượng, độ lượng, bao dung và bình ổn”. Tuy nhiên số phận con người quá mỏng manh cũng như cánh diều quá nhỏ bé trước gió trời bao la: “*Bởi số phận đã định rồi - Điều nào mà chẳng đứt dây một lần?*”. Với tình thương sẵn có trong người anh không ngại lao vào nguy hiểm để cứu một đứa trẻ. Và sự sống của anh đã bị cướp đi trong giây lát. Cái chết của anh giáo Triệu là hiện thân của cái phi lí, con người mang trong mình tình thương lại chết vì chính tình thương. Con người quá nhỏ bé trước cuộc đời đầy bất trắc. Cuộc đời ấy: “*Phía trước là chân lí - Rất có thể là nạn hồng thủy - Mà ngoài trái đất là thiên hà*”.

Đọc Nguyễn Huy Thiệp ta còn biết bao lần ám ảnh bởi những điều phi lí như thế. Đó là cái chết của Bua trong *Những ngọn gió Hua Tát*, của hai chị em Minh, Mị trong *Thương nhớ đồng quê*. Số phận của họ bị định đoạt bởi những yếu tố hoàn toàn bất ngờ xâm nhập vào tác phẩm. Câu chuyện về cái chết của nhà Thấm chỉ được kể lại sau hai mươi năm nhân vật xưng “tôi” trở về bến đò xưa. Giáo Triệu chết bởi một con trâu điên bỗng dưng xuất hiện. Nàng Bua chết cũng không thể giải thích cũng như bất ngờ nàng bắt gặp hũ vàng và trở nên giàu có. Còn Minh, Mị là cái chết được thông báo lại trong khi cả gia đình đang bắt đẽ, hàng nghìn con đẽ mà theo tín ngưỡng, thì đó hứa hẹn “phúc đức đầy nhà”.

Việc tạo lập một cốt truyện lồng lẻo, tạo sự xâm nhập dễ dàng của các yếu tố bất ngờ, ngẫu nhiên đã giúp tác giả tô đậm cái phi lí. Cái phi lí cho thấy con người quá nhỏ bé trước một thế giới kì bí, nhỏ bé và cô đơn với chính những xác tính giới hạn của mình, không ngừng đối diện với những câu hỏi lớn không có lời đáp.

2.2. Sự thất bại của những con người mang khát vọng tìm kiếm cuộc sống có ý nghĩa

Tính tuần hoàn của cốt truyện như chúng tôi đã phân tích ở trên: Nó là hệ quả của kết cấu lắp ghép theo chuỗi và các kết thúc mở. Hình dung đơn giản nhất thì kiểu kết cấu cốt truyện này như đồ thị hình sin. Cuộc sống vô tận chính là trục hoành của đồ thị. Và ở đó tác giả chọn khắc hoạ một hoặc một vài chu kì. Với loại kết cấu này Nguyễn Huy Thiệp đã thể hiện cái phi lí phổ biến: *Con người cố gắng xác lập giá trị của mình với cuộc sống cộng đồng nhưng đều bị khước từ*. Hầu hết những nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp đều có ý thức vươn lên cuộc sống. Họ không muốn là một trong “hàng tỷ con phù du, những con vờ chết đi không để lại dấu vết gì” (*Còn gái thủy thần*). Chính bởi vậy, khởi đầu họ mang theo lòng hăm hở và nhiệt tình với cuộc sống. Đó cũng là lúc họ ra đi để kiếm tìm nghĩa lí sống cho mình, bắt đầu hành trình phi lí của mình, giữa cuộc đời.

Sa trong *Những ngọn gió Hua Tát* mang một khao khát khẳng định mãnh liệt: “Suốt đời chàng mơ làm nên một sự tích phi thường”. Niềm ham sống và những khát vọng bỏng cháy bắt chàng ra khỏi mọi nếp thường: “Đối với chàng, lời khen của một đứa bé con hoặc một phụ nữ còn quý hơn cả lượng vàng”. Đến đây, giá như cộng đồng hiểu Sa thì rất có thể chàng trai phi thường này sẽ ích dụng cho họ biết bao. Nhưng nghịch lí nằm ở chỗ: “Không ai dám đặt niềm tin hay giao phó việc gì cho con người đầy bất trắc đó”. Đây có thể coi là điểm đánh dấu sự thất bại đầu tiên trên hành trình của Sa: “Chàng như một con thú lạ sống giữa mọi người. Sa sống như thế bất rút đau khổ. Chàng ngỡ vực tr-

tuệ, khả năng của mình”. Cốt truyện vận động đến đây coi như đã kết thúc một chu kì, để lại vận động tiếp một chu kì khác. Sa đã ra đi nhưng rồi lại thất bại. Trở về quê hương Sa mới nhận ra rằng: “Quãng đời bình thường cuối cùng của ta sống ở bản Hua Tát như mọi người mới thực chính là sự tích phi thường mà ta lập được”. Thế nhưng lúc này mong muốn sống có ý nghĩa ấy của Sa cũng không được chấp nhận, dân bản Hua Tát vẫn coi ông như một vị anh hùng. Mặc dù ông có ý lảng tránh quá khứ nhưng họ vẫn tìm đến ông để nghe nhắc lại chuyện cũ. Và rồi đến khi ông chết, trong đám tang “Người ta cử hành trang trọng hết như đám tang một vị vương hầu”. Rõ ràng, cả cuộc đời phấn đấu của mình Sa chưa bao giờ có vị trí mong muốn trong cộng đồng Hua Tát.

Cũng giống như Sa chàng hành trình của Chương trong *Còn gái thủy thần* cũng là tiêu biểu cho điều phi lí này. Vốn từ nhỏ Chương đã bị ám ảnh bởi câu chuyện về Mẹ Cả do những người làng thêu dệt nên sau một cơn bão. Với nỗi ám ảnh đó, Chương quyết chí ra đi để tìm cho kì được con gái thủy thần. (Bản thân điều này cũng là một cái phi lí). Tuy nhiên, chính nhờ cái huyền hoặc về Mẹ Cả đã giúp Chương có chỗ dựa để đi tìm một cuộc sống có ý nghĩa bởi chàng không chấp nhận mình cũng là một con phù du chết dưới sóng biển. Và chàng đã mượn con gái thủy thần mà ra đi, tìm ý nghĩa cho cuộc sống. Cốt truyện ở đây được lắp ghép bởi ba câu chuyện. Và ứng với mỗi câu chuyện là thêm những thất bại, những bất lực của chàng Chương. Hết một chặng đường, Chương lại quay về vạch xuất phát đầy bất lực và vô nghĩa như Sisyphes với tảng đá vậy. Hết câu chuyện thứ nhất, chàng đã biết không có thủy thần nhưng chàng vẫn ra đi: “Tôi đứng lên, đi về nhà. Ngày mai tôi đi ra biển. Ngoài biển không có thủy thần”. Ở chặng thứ hai, Chương phải chịu biết bao đau khổ từ sự lừa lọc của chính đồng loại anh, nhưng Chương vẫn ra đi: “Tôi cứ đi... Phía trước mặt tôi còn biết bao điều bất ngờ chờ đợi.

Nàng là ai? Con gái thủy thần? Nàng ở đâu? Con gái thủy thần? Là tình chi? Con gái thủy thần? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...". Đến chặng đường thứ ba, Chương còn chịu thất bại nặng nề hơn nữa. Giờ đây Chương đã nhận ra rằng "Trên đời có rất nhiều thứ lão khoét được trang sức rực rỡ bên ngoài". Chương thất bại nhưng kết thúc tác phẩm chàng vẫn ra đi như những lần trước, cái phi lí được đẩy thêm một nấc:

"Sớm hôm sau, tôi bỏ đi rồi khỏi thành phố. Tôi không có ai để chào từ biệt.

Tôi cứ đi, đi mãi... Trước mặt tôi là dòng sông thao thiết. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Tôi chưa biết biển... Mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Chỉ vài năm nữa đến năm 2000.

Con gái thủy thần! Nàng ở đâu! Nàng ở chỗ nào! Vì cái gì? Bởi cái gì? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...

Con gái thủy thần! Nàng ở đâu! Nàng ở chỗ nào! Vì cái gì? Bởi cái gì? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...".

Hầu hết những nhân vật trong các cuộc hành trình ấy, sau khi thất bại đều chìm đắm trong cô đơn. Họ hoàn toàn mất niềm tin. Nhân vật tôi trong *Chảy đi sông ơi* đã mất chỗ dựa cuối cùng là niềm tin vào huyền thoại kể từ khi Thẩm chết. Tướng Thuấn không thể "cả tin" được nữa. Chương trong *Con gái thủy thần* đã hoàn toàn thất bại: "Tôi thấy mái nhà sập xuống đầu tôi, bầu trời sập xuống đầu tôi. Tất cả là đổ vỡ và tan nát". Đó chính là điều phi lí lớn nhất của cuộc đời đè nặng lên ý thức thẩm mỹ Nguyễn Huy Thiệp.

3. Những giá trị từ cái phi lí

3.1. Giá trị hiện thực

Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp dù viết về lịch sử, về cổ tích thì trước hết ngòi bút nhà văn cũng hướng về cuộc sống thực tại. Đó là những vấn đề của cuộc sống và con người hôm nay.

Với việc thể hiện cái phi lí trong sáng tác của mình, Nguyễn Huy Thiệp đã nêu lên một bức tranh rộng lớn về hiện thực cuộc sống.

Bước ra khỏi chiến tranh, đất nước ta chuyển mình mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song song với những thành tựu đã đạt được là những hạn chế, những tồn tại mang tính thời đại, lịch sử. Sự du nhập khoa học kĩ thuật cùng với những luồng tư tưởng khác nhau trong một thời gian ngắn đã mang đến sự đảo lộn. Bằng việc thể hiện một điều phi lí bao trùm là: Cùng với những tiến bộ khoa học kĩ thuật là sự xuống cấp, suy vi của các giá trị đạo đức truyền thống; Nguyễn Huy Thiệp đã nêu bật những vấn đề nhức nhối của xã hội đương thời. Đó là xã hội ngổn ngang xó bồ với sự ngự trị của đồng tiền vạn năng. Đồng tiền làm đảo lộn tất cả các mối quan hệ. Nó dìm chết đạo lí, thuần phong mỹ tục, nó biến cuộc đời thành "bể lọc lừa" (*Đời thế mà vui*), thành khốn nạn: "Cứ sống đi con, rồi con sẽ hiểu cuộc đời. Khốn nạn! Khốn nạn vô cùng. Con phải hiểu rằng chính mẹ con cũng là một người đàn bà khốn nạn" (*Huyền thoại phố phường*).

Cái đều, cái ác còn đang ngự trị. Đó là những thứ "lão khoét được trang sức rực rỡ bên ngoài" (*Con gái thủy thần*). Bao trùm lên tất cả, ở đâu và khi nào người ta cũng bắt gặp: "Con người ta tối tăm lắm... Con người vô tâm giống như cát bụi bên đường" (*Chảy đi sông ơi*)...

Trong cái xã hội mà "Chỗ nào cũng tàn ác, dâm dục, lừa dối, tham lam" (*Đời thế mà vui*), con người chân chính không thể xác lập được giá trị của mình. Rút cuộc họ trở về với nỗi cô đơn thân phận, cay đắng, uất ức nhìn cuộc đời cuộn trôi như một dòng nước xiết với tất cả sự vô nghĩa lí của nó, đó là ý nghĩa hiện thực sâu sắc được Nguyễn Huy Thiệp nêu lên qua việc thể hiện cái phi lí trong tác phẩm của mình.

3.2. Giá trị nhân đạo

Nguyễn Huy Thiệp là cây bút có lối viết sắc lạnh, thậm chí đến tàn nhẫn. Ông không hề nhân

nhượng. Cái xấu và cái ác bị lột trần dưới ngòi bút của nhà văn. Tuy nhiên, đằng sau cái sắc lạnh tàn nhẫn ấy ta vẫn thấy một tấm lòng chân thành và đầy trách nhiệm của ông đối với con người. Nó là thứ văn chương khó ưa nhưng cần thiết. Nó khác với “Thứ văn chương cô đầu nhà thổ dâm dề, ẻo ượt những đùi căng ngực nở đang lan tràn như bệnh dịch”⁽⁶⁾. Chính Nguyễn Huy Thiệp trong tác phẩm của mình cũng đã nhiều lần bộc lộ quan điểm đầy tinh thần trách nhiệm này. Theo ông: “Văn chương phải bắt chấp hết. Ngập trong bùn, sục tung lên, thoát thành bướm và hoa, đấy là chí thành” (*Giọt máu*). Ông dám nhìn thẳng vào cuộc đời để “Hiểu rõ những đau khổ ấy mà trong lòng ta nảy nở sự sáng suốt đạo đức, lòng cao thượng, tình người” (*Những ngọn gió Hua Tát*).

Nguyễn Huy Thiệp quan tâm đến những nơi sâu kín trong tâm hồn con người. Ông chia sẻ đối với những nỗi cô đơn của con người. Sự cô đơn bao giờ cũng đáng sợ. Nhà văn vượt lên trên thời gian, tìm về chia sẻ cả những nỗi cô đơn của các vĩ nhân trong lịch sử. Qua tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, ta thấy ông viết về nỗi cô đơn mệnh mang của kiếp người như một mặc cảm, một nỗi ám ảnh. Không phải ngẫu nhiên mà trong sáng tác của ông lại xuất hiện nhiều những người nghệ sĩ cô đơn đến vậy: “Những nghệ sĩ trác tuyệt là những con người cô đơn khủng khiếp” (*Tướng về hưu*). Những con người cô đơn trong sáng tác của ông đều là những người tốt. Đó là một sự phi lí. Thể hiện điều này Nguyễn Huy Thiệp tỏ rõ lòng xót thương cho những “hạt thiện” trong xã hội mà cái ác vẫn ngang nhiên nghị trị này. Đây đồng thời cũng là tiếng nói đấu tranh chống cái phi lí tồn tại trong xã hội. Còn tồn tại những cái phi lí là đồng nghĩa con người vẫn phải chịu bất hạnh. Đó là chiều sâu tấm lòng yêu thương con người của Nguyễn Huy Thiệp.

Đặc biệt, thể hiện cái phi lí trong sáng tác của mình, Nguyễn Huy Thiệp còn tỏ rõ sự lo âu cho số kiếp nhỏ nhoi của con người. Sáng tác

của Nguyễn Huy Thiệp là sự suy tư về cái chết. Đằng sau những cái chết ấy ta thấy rõ một hình tượng tác giả thẳng thốt lo âu, sự lo âu vượt thoát khỏi cái hữu hạn để hướng tới con người. Điều đó có thực, không chỉ với chúng ta hôm nay mà với mọi nơi, mọi thời. Đây cũng có thể là một lí do mà dịch giả Lockhart cho rằng Nguyễn Huy Thiệp “rất thông cảm với cả nhân loại”.

III - KẾT LUẬN

Cái phi lí, với những biểu hiện đặc thù ở nghệ thuật xây dựng cốt truyện, là một trong những đặc trưng thẩm mỹ tạo nên sự độc đáo cho truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Cái phi lí như một yếu tố có sức chi phối đến các phương diện khác của nghệ thuật biểu hiện, góp phần tạo nên phẩm chất thẩm mỹ mang đậm tính cách tân của nghệ thuật tự sự hiện đại ở sáng tác của nhà văn này. Cái phi lí vượt ra khỏi tư cách thủ pháp để biểu thị nghiệm sinh về sự mỏng manh, nhỏ bé của kiếp người trước sự tồn tại; về lòng thương; sự cô đơn, vô vọng, lưu đày,... Cái phi lí, như thế, là biểu hiện độc đáo của một nhận quan hiện thực, một cái “tâm” chìm đắm lo âu, có thể đã là vượt trước và sẵn sàng chấp nhận sóng gió.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Xin xem Phạm Xuân Nguyên (biên soạn), *Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp*, NXB VH TT, 2001.
- (2) Nguyễn Văn Dân. *Văn học phi lí*. NXB VH TT. 2002.
- (3) In trong *Văn học so sánh - Nghiên cứu và triển vọng*. NXB ĐHSP. 2005. Tr 357.
- (4) Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi chủ biên. NXB GD. 2004. Tr 99.
- (5) Nhiều tác giả. *Văn học Hậu hiện đại những vấn đề lí thuyết*. NXB HNV. 2003. Tr 247.
- (6) Nguyễn Văn Lưu. *Luận chiến văn chương*. NXB VH. 1997. Tr 39.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC BẤT ĐẲNG THỨC ĐẠI SỐ VÀ CÁC BẤT ĐẲNG THỨC TÍCH PHÂN

ThS. NGUYỄN VĂN KHIÊM - Khoa Toán, ĐHSP Hà Nội

ThS. NGUYỄN TIẾN MẠNH - Khoa KHTN, ĐH Hùng Vương

I - ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong toán học, có một số bất đẳng thức đại số nổi tiếng với nhiều ứng dụng như bất đẳng thức Côsi, bất đẳng thức Bunhiacôpxki, bất đẳng thức Hônđe, bất đẳng thức Mincôpxki v.v... Một điều thú vị là trong giải tích, khi nghiên cứu về tính khả tích của các hàm, chúng ta bắt gặp những bất đẳng thức tích phân với những tên gọi giống như tên gọi của một số bất đẳng thức đại số đã nói ở trên. Vậy giữa chúng có mối liên hệ gì với nhau? Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trả lời cho câu hỏi đó, đồng thời đưa ra một số ví dụ nhằm thể hiện cách thức chuyển đổi một bất đẳng thức đại số thành một bất đẳng thức tích phân và ngược lại.

II - TỪ BẤT CÁC BẤT ĐẲNG THỨC ĐẠI SỐ DẪN ĐẾN CÁC BẤT ĐẲNG THỨC TÍCH PHÂN

Giả sử có bất đẳng thức:

$$\sum_{i=1}^n a_i \geq \sum_{i=1}^n b_i,$$

với $n \in \mathbb{N}, a_1, \dots, a_n \in A, b_1, \dots, b_n \in B$.

Xét hai hàm số khả tích $f(x), g(x)$ trên $[a, b]$ $f(x) \in A, g(x) \in B, \forall x \in [a, b]$. Chia đoạn $[a, b]$ thành n phần bằng nhau bởi các điểm chia $a = x_0 < x_1 < \dots < x_n = b$, ta được bất đẳng thức sau:

$$\frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n f(x_i) \geq \frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n g(x_i).$$

Cho $n \rightarrow \infty$, ta thu được bất đẳng thức tích phân:

$$\int_a^b f(x)dx \geq \int_a^b g(x)dx.$$

Ví dụ 1: (Đối với bất đẳng thức Côsi)

Cho $a_1, a_2, \dots, a_n > 0$. Ta có bất đẳng thức:

$$\frac{a_1 + a_2 + \dots + a_n}{n} \geq \sqrt[n]{a_1 a_2 \dots a_n}.$$

Lôga hai vế ta được:

$$\ln \left(\frac{a_1 + a_2 + \dots + a_n}{n} \right) \geq \frac{1}{n} (\ln a_1 + \ln a_2 + \dots + \ln a_n) \quad (1).$$

Xét hàm số $f(x)$ khả tích trên $[0, 1]$ và $f(x) > 0, \forall x \in [0, 1]$. Chia đoạn $[a, b]$ thành n phần bằng nhau bởi các điểm chia $a = x_0 < x_1 < \dots < x_n = b$, trong bất đẳng thức (1) thay $a_i = f(x_i), i = 1, \dots, n$. Ta được:

$$\ln \left(\frac{f(x_1) + f(x_2) + \dots + f(x_n)}{n} \right) \geq \frac{1}{n} (\ln f(x_1) + \ln f(x_2) + \dots + \ln f(x_n)).$$

Hay

$$\ln \left(\frac{1}{b-a} \sum_{i=1}^n f(x_i) \right) \geq \frac{1}{b-a} \sum_{i=1}^n \ln f(x_i).$$

Cho $n \rightarrow \infty$,

$$\ln \left(\frac{1}{b-a} \int_a^b f(x)dx \right) \geq \frac{1}{b-a} \int_a^b \ln f(x)dx.$$

Ví dụ 2: (Đối với bất đẳng thức Bunhiacôpxki)

Cho các số thực:

Cho các số thực:

$$a_1, a_2, \dots, a_n, b_1, b_2, \dots, b_n.$$

Ta có bất đẳng thức Bunhiacôpxki:

$$\left(\sum_{i=1}^n a_i b_i \right)^2 \leq \left(\sum_{i=1}^n a_i^2 \right) \left(\sum_{i=1}^n b_i^2 \right). \quad (2)$$

Xét hai hàm số khả tích trên $[a, b]$ là $f(x)$, $g(x)$. Chia đoạn $[a, b]$ thành n phần bằng nhau bởi các điểm chia $a = x_0 < x_1 < \dots < x_n = b$. Trong (2); thay

$$a_i = f(x_i), b_i = g(x_i), i = 1, \dots, n:$$

$$\left(\sum_{i=1}^n f(x_i) g(x_i) \right)^2 \leq \left(\sum_{i=1}^n f^2(x_i) \right) \left(\sum_{i=1}^n g^2(x_i) \right).$$

Bất đẳng thức này tương đương với:

$$\left(\frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n f(x_i) g(x_i) \right)^2 \leq \left(\frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n f^2(x_i) \right) \left(\frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n g^2(x_i) \right).$$

Chú ý rằng các hàm $f^2(x)$, $g^2(x)$, $f(x)g(x)$ đều khả tích. Do đó, cho $n \rightarrow \infty$, ta được:

$$\left(\int_a^b f(x) g(x) dx \right)^2 \leq \int_a^b f^2(x) dx \int_a^b g^2(x) dx$$

(Bất đẳng thức Bunhiacôpxki đối với tích phân).

Ví dụ 3: (Đối với bất đẳng thức hình học)

Cho các số thực:

$$a_1, a_2, \dots, a_n, b_1, b_2, \dots, b_n. \text{ Ta có bất đẳng thức:}$$

$$\sqrt{\left(\sum_{i=1}^n a_i \right)^2 + \left(\sum_{i=1}^n b_i \right)^2} \leq \sum_{i=1}^n \sqrt{a_i^2 + b_i^2}. \quad (3)$$

Xét hai hàm số khả tích trên $[a, b]$ là $f(x)$, $g(x)$. Chia đoạn $[a, b]$ thành n phần bằng nhau bởi các điểm chia $a = x_0 < x_1 < \dots < x_n = b$. Trong (3), thay

$$a_i = f(x_i), b_i = g(x_i), i = 1, \dots, n:$$

$$\sqrt{\left(\sum_{i=1}^n f(x_i) \right)^2 + \left(\sum_{i=1}^n g(x_i) \right)^2} \leq \sum_{i=1}^n \sqrt{f^2(x_i) + g^2(x_i)}.$$

Bất đẳng thức này tương đương với:

$$\sqrt{\left(\frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n f(x_i) \right)^2 + \left(\frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n g(x_i) \right)^2} \leq \frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n \sqrt{f^2(x_i) + g^2(x_i)}.$$

Cho $n \rightarrow \infty$ và chú ý đến tính khả tích của các hàm số, ta được bất đẳng thức tích phân:

$$\left[\left(\int_a^b f(x) dx \right)^2 + \left(\int_a^b g(x) dx \right)^2 \right]^{\frac{1}{2}} \leq \int_a^b \sqrt{f^2(x) + g^2(x)} dx.$$

Đây chính là bất đẳng thức Mincôpxki đối với tích phân.

Ví dụ 4: (Đối với bất đẳng thức Diaz)

Cho hai dãy số:

$$a_1, a_2, \dots, a_n, b_1, b_2, \dots, b_n, a_k \neq 0, k = 1, \dots, n.$$

Giả sử M, m là hai số sao cho:

$$m \leq \frac{b_k}{a_k} \leq M, \forall k = 1, \dots, n. \text{ Khi đó:}$$

$$\sum_{k=1}^n b_k^2 + mM \sum_{k=1}^n a_k^2 \leq (m+M) \sum_{k=1}^n a_k b_k.$$

Xét hai hàm số khả tích $f(x)$, $g(x)$ trên $[a, b]$ $g(x) \neq 0, \forall x \in [a, b]$. Giả thiết thêm $\frac{f(x)}{g(x)}$

khả tích. Giả sử tồn tại hai số thực m, M sao cho $m \leq \frac{f(x)}{g(x)} \leq M, \forall x \in [a, b]$.

Lập luận tương tự như những ví dụ trên, ta được bất đẳng thức tích phân sau:

$$\int_a^b f^2(x) dx + mM \int_a^b g^2(x) dx \leq (M+m) \int_a^b f(x) g(x) dx$$

Ví dụ 5: (Đối với bất đẳng thức về trung bình với trọng số)

Cho hai dãy số dương:

$$a_1, a_2, \dots, a_n, p_1, p_2, \dots, p_n.$$

Khi đó, ta có bất đẳng thức sau:

$$\frac{\sum_{i=1}^n p_i}{\sum_{i=1}^n a_i} \leq \frac{1}{\sum_{i=1}^n p_i} \left(\frac{1}{a_1^{p_1} a_2^{p_2} \dots a_n^{p_n}} \right)^{\sum_{i=1}^n p_i} \quad (4).$$

Xét hai hàm số dương liên tục $f(x), g(x)$ trên đoạn $[a, b]$. Chia đoạn $[a, b]$ thành n phần bằng nhau bởi các điểm chia $a = x_0 < x_1 < \dots < x_n = b$. Lồng hai vế của (4), đồng thời thay $f(x_i), p_i = g(x_i), i = 1, \dots, n$:

$$\ln \left(\frac{\frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n f(x_i)}{\frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n g(x_i)} \right) \leq \frac{1}{\frac{b-a}{n} \sum_{i=1}^n f(x_i)} \left[\frac{b-a}{n} \left(\sum_{i=1}^n f(x_i) \ln g(x_i) \right) \right]$$

Cho $n \rightarrow \infty$, chú ý đến tính khả tích của các hàm (từ tính liên tục dương), ta được bất đẳng thức tích phân sau:

$$\ln \left(\frac{\int_a^b f(x) dx}{\int_a^b g(x) dx} \right) \leq \frac{\int_a^b f(x) \ln g(x) dx}{\int_a^b f(x) dx}.$$

Ví dụ 6: (Đối với bất đẳng thức polya)

Cho hai dãy số $a_1, a_2, \dots, a_n$ và $b_1, b_2, \dots, b_n$ sao cho:

$0 < a \leq a_k \leq A; 0 < b \leq b_k \leq B, k = 1, \dots, n$. Khi đó:

$$\frac{\left(\sum_{k=1}^n a_k^2 \right) \left(\sum_{k=1}^n b_k^2 \right)}{\left(\sum_{k=1}^n a_k b_k \right)^2} \leq \frac{1}{4} \left(\sqrt{\frac{AB}{ab}} + \sqrt{\frac{ab}{AB}} \right)^2.$$

Xét hai hàm số dương liên tục $f(x), g(x)$ trên đoạn thỏa mãn: $[\alpha, \beta]$ thành n phần bằng nhau bởi các điểm chia

$$\alpha = x_0 < x_1 < \dots < x_n = \beta.$$

Thay $a_i = f(x_i), b_i = g(x_i), i = 1, \dots, n$ và lập luận tương tự như các ví dụ trên, ta được bất đẳng thức tích phân tương ứng:

$$\frac{\int_{\alpha}^{\beta} f^2(x) dx \cdot \int_{\alpha}^{\beta} g^2(x) dx}{\left(\int_{\alpha}^{\beta} f(x) g(x) dx \right)^2} \leq \frac{1}{4} \left(\sqrt{\frac{AB}{ab}} + \sqrt{\frac{ab}{AB}} \right)^2.$$

Ví dụ 7: (Đối với bất đẳng thức Kantorovis)

Cho hai dãy số $u_1, u_2, \dots, u_n$ và $\gamma_1, \gamma_2, \dots, \gamma_n$ sao cho $0 < m \leq \gamma_k \leq M, \forall k = 1, \dots, n$.

Khi đó:

$$\left(\sum_{k=1}^n \gamma_k u_k^2 \right) \left(\sum_{k=1}^n \frac{1}{\gamma_k} u_k^2 \right) \leq \frac{1}{4} \left(\sqrt{\frac{M}{m}} + \sqrt{\frac{m}{M}} \right)^2 \left(\sum_{k=1}^n u_k^2 \right)^2$$

Xét hai hàm số khả tích $f(x), g(x)$ trên đoạn $[a, b]$ thỏa mãn:

$$0 < m \leq f(x) \leq M, \forall x \in [a, b].$$

Chia đoạn $[\alpha, \beta]$ thành n phần bằng nhau bởi các điểm chia $a = x_0 < x_1 < \dots < x_n = b$.

Thay $\gamma_i = f(x_i), u_i = g(x_i), i = 1, \dots, n$ và lập luận tương tự như các ví dụ trên, ta được bất đẳng thức tích phân tương ứng:

$$\left(\int_a^b f(x) g^2(x) dx \right) \left(\int_a^b \frac{g^2(x)}{f(x)} dx \right) \leq \frac{1}{4} \left(\sqrt{\frac{M}{m}} + \sqrt{\frac{m}{M}} \right)^2 \left(\int_a^b g^2(x) dx \right)^2.$$

Ví dụ 8: (Đối với bất đẳng thức Mincôpxki)

Cho hai dãy số không âm

$a_1, a_2, \dots, a_n, b_1, b_2, \dots, b_n$ và p là một số hữu tỷ lớn hơn 1. Khi đó ta có bất đẳng thức sau (bất đẳng thức Mincôpxki):

$$\left(\sum_{k=1}^n (a_k + b_k)^p \right)^{\frac{1}{p}} \leq \left(\sum_{k=1}^n a_k^p \right)^{\frac{1}{p}} + \left(\sum_{k=1}^n b_k^p \right)^{\frac{1}{p}}.$$

Xét hai hàm $f(x), g(x)$ trên $[a, b]$ sao cho các tích phân $\int_{\Omega} |f(x)|^p dx, \int_{\Omega} |g(x)|^p dx$ tồn tại.

Chia đoạn $[a, b]$ thành n phần bằng nhau bởi các điểm chia $a = x_0 < x_1 < \dots < x_n = b$.

Thay $a_i = |f(x_i)|, b_i = |g(x_i)|, i = 1, \dots, n$:

$$\left(\sum_{k=1}^n (|f(x_k)| + |g(x_k)|)^p \right)^{\frac{1}{p}} \leq \left(\sum_{k=1}^n |f(x_k)|^p \right)^{\frac{1}{p}} + \left(\sum_{k=1}^n |g(x_k)|^p \right)^{\frac{1}{p}}. \text{ Hay}$$

$$\left(\frac{b-a}{n} \sum_{k=1}^n (|f(x_k)| + |g(x_k)|)^p \right)^{\frac{1}{p}} \leq$$

$$\left(\frac{b-a}{n} \sum_{k=1}^n |f(x_k)|^p \right)^{\frac{1}{p}} + \left(\frac{b-a}{n} \sum_{k=1}^n |g(x_k)|^p \right)^{\frac{1}{p}}.$$

Cho $n \rightarrow \infty$, ta được bất đẳng thức sau (thường được gọi là bất đẳng thức Mincôpxki trong tích phân):

$$\left(\int_{\Omega} (|f(x)| + |g(x)|)^p dx \right)^{\frac{1}{p}} \leq \left(\int_{\Omega} |f(x)|^p dx \right)^{\frac{1}{p}} + \left(\int_{\Omega} |g(x)|^p dx \right)^{\frac{1}{p}}.$$

III - TỪ CÁC BẤT ĐẲNG THỨC TÍCH PHÂN SUY RA CÁC BẤT ĐẲNG THỨC ĐẠI SỐ

Những kết quả trình bày trong phần II cho ta các bất đẳng thức đối với tích phân Rieman. Tuy nhiên đối với tích phân Lebegue, các bất đẳng thức trên vẫn đúng. Trong phần này, việc suy ra một số bất đẳng

thức đại số từ những bất đẳng thức tích phân được áp dụng đối với tích phân Lebegue định nghĩa trên lớp các hàm đo được. Từ một bất đẳng thức trong tích phân Lebegue, bằng việc chuyển qua lớp các hàm bậc thang thích hợp, ta thu được bất đẳng thức đại số tương ứng. Sau đây là một số ví dụ minh họa.

Ví dụ 1: (Đối với bất đẳng thức Hônde trong tích phân Lebegue)

Cho hai hàm đo được khả tích $f(x), g(x)$ trên tập $\Omega \subseteq R$. Giả sử p, q là hai số nguyên dương sao cho $\frac{1}{p} + \frac{1}{q} = 1$ và các tích phân

$\int_{\Omega} |f(x)|^p dx, \int_{\Omega} |g(x)|^q dx$ tồn tại. Khi đó, ta có bất đẳng thức:

$$\left(\int_{\Omega} |f(x)|^p dx \right)^{\frac{1}{p}} \left(\int_{\Omega} |g(x)|^q dx \right)^{\frac{1}{q}} \geq \int_{\Omega} |f(x)g(x)| dx.$$

Xét hai hàm bậc thang không âm $f_n(x), g_n(x)$ xác định trên $[0, n]$, với

$$f_n(x) = a_i, g_n(x) = b_i, \forall x \in [i-1, i], i = 1, \dots, n.$$

Thay $f(x) = f_n(x), g(x) = g_n(x), \Omega = [0, n]$, ta được bất đẳng thức đại số Hônde đối với hai dãy số không âm $a_1, \dots, a_n$ và $b_1, \dots, b_n$ như sau:

$$\left(\sum_{k=1}^n a_k^p \right)^{\frac{1}{p}} \left(\sum_{k=1}^n b_k^q \right)^{\frac{1}{q}} \geq \sum_{k=1}^n a_k b_k.$$

Ví dụ 2: (Đối với bất đẳng thức Mincôpxki trong tích phân Lebegue)

Cho hai hàm đo được khả tích $f(x), g(x)$ trên tập $\Omega \subseteq R$. Giả sử p là một số nguyên dương sao cho các tích phân $\int_{\Omega} |f(x)|^p dx, \int_{\Omega} |g(x)|^p dx$ tồn tại. Bất đẳng thức

sau thường được gọi là bất đẳng thức Mincôpxki trong tích phân:

$$\left(\int_{\Omega} (|f(x)| + |g(x)|)^p dx \right)^{\frac{1}{p}} \leq \left(\int_{\Omega} |f(x)|^p dx \right)^{\frac{1}{p}} + \left(\int_{\Omega} |g(x)|^p dx \right)^{\frac{1}{p}}.$$

Xét hai hàm bậc thang không âm $f_n(x)$, $g_n(x)$ xác định trên $[0, n]$, với $f_n(x) = a_i$, $g_n(x) = b_i$, $\forall x \in [i-1, i]$, $i = 1, \dots, n$.

Thay $f(x) = f_n(x)$, $g(x) = g_n(x)$, $\Omega = [0, n]$, ta được bất đẳng thức đại số Mincôpxki đối với hai dãy số không âm $a_1, \dots, a_n$ và $b_1, \dots, b_n$ như sau:

$$\left(\sum_{k=1}^n (a_k + b_k)^p \right)^{\frac{1}{p}} \leq \left(\sum_{k=1}^n a_k^p \right)^{\frac{1}{p}} + \left(\sum_{k=1}^n b_k^p \right)^{\frac{1}{p}}.$$

IV - KẾT LUẬN

Những gì đã trình bày cho chúng ta thấy phần nào mối liên hệ giữa các bất đẳng thức đại số với các bất đẳng thức tích phân. Xuất phát từ một số bất đẳng thức đại số, ta có ngay một bất đẳng thức tích phân tương ứng và ngược lại. Chú ý rằng việc chuyển một bất đẳng thức đại số thành một bất đẳng thức tích phân được thực hiện thông qua một công cụ quan trọng trong giải tích là giới hạn. Chính công cụ này đã giữ nguyên chiều bất đẳng thức nhưng khó có thể chỉ ra điều kiện cần và đủ để bất đẳng thức xảy ra dấu bằng. Đây là một trong những mặt hạn chế khi thực hiện việc chuyển đổi đó.

ƯU THẾ LAI F₁ CỦA TỔ HỢP...

(Tiếp theo trang 13)

tuổi là 11,19% ở tổ hợp lai ♂ Mèo x ♀ AC và là 14,15% ở tổ hợp lai F₁ ♂ AC x ♀ Mèo.

4. Gà lai F₁ của các công thức lai đều có mức độ tiêu tốn thức ăn thấp từ 2,72kg thức ăn/1kg tăng khối lượng ở tổ hợp lai F₁ tiêu tốn thức ăn của các tổ hợp lai F₁ thấp hơn giống gà nội từ 0,27 đến 0,37kg thức ăn/1kg tăng khối lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Duy Hoan và cs, 2001. *Sức sống, sinh trưởng và khả năng cho thịt của giống gà Mèo*. Tạp chí Chăn nuôi, số 1, 22 - 25.
2. Ngón Thi Hoán, Nguyễn Trọng Lang, Cao Văn, 2004. *Nghiên cứu sức sản xuất, thành phần hoá sinh thịt gà lai F₁*, Lương Phượng - Ri và Ai Cập - Ri nuôi tại Thái Nguyên. Tuyển tập

báo cáo Hội nghị Khoa học toàn quốc 2004 "Nghiên cứu cơ bản trong KH Sự sống định hướng Nông Lâm nghiệp miền núi". Nxb KH và KT, Hà Nội - 2005, 397 - 400.

3. Đặng Hữu Lanh, Trần Đình Miên, Trần Đình Trọng, 1999. *Cơ sở di truyền chọn giống động vật*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Lê Viết Ly, 2000. *Bảo tồn nguồn gen động vật nuôi ở Việt Nam*, tập 2. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

5. Phan Cự Nhân, 2001. *Di truyền học động vật*. Nxb KH và KT, Hà Nội.

6. Phùng Đức Tiến, Lê Thu Hiền, 1999. *Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Ai Cập*, trong "Tuyển tập công trình nghiên cứu KHKT gia cầm và động vật mới nhập 1989 - 1999". Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 604 - 609.